

Tác Giả và Tác Phẩm

Vũ Khắc Khoan (I)

Tiểu sử

Sinh ngày 27.2.1917 tại Hà Nội.

Tác phẩm

Kịch: Hậu trường, Giao thừa, Thần Thập Rùa, Thành Cát Tư Hãn, Ga xếp



Mục Lục

Vài hàng về tác giả - 2

Thần Thập Rùa - 3

Thần Thập Rùa Vũ Khắc Khoan – Viên Linh – 15

Tháng chín và “Thần Thập Rùa” – Nguyễn Xuân Hoàng - 18

Nhập Thiên Thai – 20

Nhìn lại thế giới Vũ Khắc Khoan – Mai Thảo – 34

Kịch Vũ Khắc Khoan – Võ Phiến - 37

Mơ Hương Cảng - 41

Vũ Khắc Khoan, sáng tạo trên bực gỗ - Lê Thị Huệ - 45

Nhớ thầy Vũ Khắc Khoan – Đào Ngọc Phong - 47

Thầy Khoan: Nhất tự vi sư - Nguyễn Thị Minh Ngọc - 49

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tác giả



Sinh năm 1917 tại Hà Nội. Ông tốt nghiệp Cao Đẳng Canh Nông. Theo sở thích ông đã bỏ ngành Canh Nông sang viết văn, kịch và dạy học. Ông đã dạy lịch sử Việt Nam tại trường Chu Văn An và Nguyễn Trãi tại Hà Nội.

Khi hai trường này dời vào Sài Gòn, ông tiếp tục dạy tại hai trường đó và dạy cả các Đại Học Văn Khoa Sài Gòn, Đại Học Văn Khoa Đà Lạt, Đại Học Vạn Hạnh, Đại Học Sư Phạm, Đại Học Huế và Đại Học Tri Hành. Trước biến cố 1975, ông còn giữ chức Trưởng Ngành Kịch Nghệ tại trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ Sài Gòn.

Giữa thập niên 50, ông đã cộng tác với nhật báo Tiếng Miền Nam, và cùng với nhà văn Nghiêm Xuân Hồng, và nhà văn Mặc Đỗ chủ trương tờ tuần báo Quan Điểm. Thập niên sau, cùng với nhà văn Mai Thảo, ông chủ trương tờ nguyệt san văn học Vấn Đề.

Biến cố 1975, ông và gia đình di cư tỵ nạn chính trị tại Minnesota, Hoa Kỳ. Tại đây ông và các bạn hữu Mỹ đã dịch và dựng hai vở kịch : Thành Cát Tư Hãn và Ngộ Nhận tại hí viện Theater In Around (cạnh đại học Minnesota). Trong hai năm 76-77 ông còn phụ giảng ngành Pháp Văn tại University of Minnesota. Ngoài ra ông còn là sáng lập viên và chủ tịch Hội Phật Giáo Việt Nam tại MN từ 75-79; sáng lập viên và chủ tịch Hội Văn Hoá VN tại Minnesota từ 79-83. Ông đã qua đời ngày 12 tháng 9 năm 1986 tại Minnesota, Hoa Kỳ.

Những tác phẩm chính của ông gồm có:

Thằng Cuội Ngồi Gốc Cây Đa, lộng ngôn
Giao Thừa, kịch
Hậu Trường, kịch
Thần Thập Rùa, kịch
Thành Cát Tư Hãn, kịch
Vở chèo Quan Âm Thị Kính, khảo luận
Ngộ Nhận, lộng ngôn
Mơ Hương Cảng, tùy bút
Những Người Không Chịu Chết, kịch
Ga Xép, kịch
Độc Kinh đoản văn
Đoản Văn Xa Nước
Tìm Hiểu Sân Khấu Chèo, khảo luận

Thần Tháp Rùa

Năm loạn đầu hậu bán thế kỷ thứ hai mươi dương lịch, có người trẻ tuổi họ Đỗ bán ruộng bỏ vùng quê lên Kê Chợ trọ học.

Đỗ vốn thuộc lớp trung nông, thường sống bằng lợi tức ít mẩu hương hỏa cha mẹ mất sớm để lại.

Vì quen nếp sống thanh đạm, gia dĩ lại sống một mình nên ít lo sinh kế, hằng ngày thường hay đọc sách, da dẻ trắng trẻo xanh xao, mình gầy vóc hạc. Lại luôn luôn mục kích sự tàn bạo của đám phú nông mà tâm sự ù ê lộ ra ở đôi mày hay nhíu, miệng có cười, cũng héo hắt không vui. Tính vốn ít nói, trong chốn giao du lại cố tình giữ trọn cái nghĩa nước nhọt của người nước Lỗ, cho nên lắm khi cả ngày không lên tiếng một câu, hàng tháng biếng bước chân ra khỏi cổng. Họạ hoàn thao thao bất tuyệt, là lúc đối diện một người hiểu biết. Nhưng lúc đó, Đỗ thường ngửa mặt lên trời mà than thòi thể hoặc tác sắc đập bàn luận đàm quốc sự đến bỏ cả cơm. Tuổi đã lớn nhưng Đỗ vẫn sống một mình, không nghĩ tới việc vợ con. Con gái trong vùng có trêu ghẹo ngổ tình thì đỗ mặt ngoảnh đi. Người trong họ đôi khi gọi việc trăm năm mới lái mà không tiếp chuyện.

Lên đến Kê Chợ, Đỗ ngồi dạy học ở phường hang Bạc, tạm yên sinh kế để có thể tiếp tục học hành. Đất Kê Chợ, nhà cửa như bát úp, người đi lại ngoài đường đông hơn mắc cửi, mà Đỗ vẫn giữ nguyên tính cũ, ngày một buổi đến trường nghe giảng văn rồi về thẳng nhà, đóng cửa đọc sách lạ. Bạn cùng trường thấy lẻ loi, thỉnh thoảng rủ đi đánh cầu nhảy múa, Đỗ đều một mực từ chối. Nhưng trong câu chuyện, nếu có ai đã động đến thời cuộc, so sánh lý thuyết nọ với lý thuyết kia, là lập tức sầm sầm bước vào vòng thảo luận, nói hàng giờ không biết mỏi. Hoặc nêu thuyết nhà Phật mà bác bỏ định đề Cơ Đốc. Hoặc đề cao tư tưởng của Văn sĩ Pascal mà đánh đổ lý luận vô thần. Hoặc chủ trương giai cấp đấu tranh những mưu mô tư bản, Hoặc lập luận tự do cá nhân để chống với độc tài đoàn thể. Có ai rụt rè nói đến giá trị nội tại của nghệ thuật ắt Đỗ phải lớn tiếng thích nghĩa nhân sinh. Nhưng nếu có người muốn hạ văn chương xuống ngang hàng một “đồ thực dụng” thì Đỗ lại chép miệng thờ dài nhắc đến quan niệm nghệ thuật của Kant.

Giọng Đỗ trầm bổng như tiếng trúc tiếng tơ, khi mau khi chậm, khi thoảng nhẹ tựa cơn gió mùa hạ, khi thiết tha như tiếng đục trạm của người rửa ngọc. Bạn bè ai nghe cũng thấy thích tai, cho là lạ, phục Đỗ học rộng, biết nhiều.

Tự trung cũng chẳng hiểu Đỗ ra sao.

Một hôm, có người hiếu kỳ gần nửa đêm, đập cửa nhà Đỗ, đòi chất vấn.

- Hiện nay thiên hạ chia đôi, không trắng thời đen, mà nghe ông nói thì thật không biết là đen hay trắng .

Đỗ ngẫm nghĩ hồi lâu, thủng thẳng trả lời :

- Tại sao anh cứ bắt buộc là đen hay trắng ? Mặt trăng vòm trời khi khuyết, khi tròn. Ánh sáng mùa thu trong như ngọc mà thật ra lại hợp bảy màu. Lá cây phong bên bãi lúc xanh, lúc đỏ. Chân lý ở đời không đơn giản như bụng dạ trẻ con. Tại sao lại cứ bắt buộc là đen hay trắng ?

- Mùa xuân, mùa hạ thì lá xanh, mùa thu, mùa đông thì lá úa đỏ. Ánh sáng tuy hợp bảy màu nhưng chính mắt chỉ nhìn thấy một. Trăng có tuần trăng khuyết, trăng tròn. Chân lý tuy phức tạp nhưng không hẳn là nhò nhò, không màu sắc. Nay đang đêm đến đập cửa nhà ông, là có ý thành. Xin cho nghe những lời tâm sự.

Đỗ lặng thinh không trả lời.

Người kia bèn xích lại gần Đỗ :

- Mã Khắc Tư cầm bút mà thiên hạ phân đôi. Một đànng tư bản đè xuống. Một đànng vô sản vùng lên. Tấn tuồng Hán Sở tranh hùng thuở xưa lại diễn. Chúng ta thật đã sa vào cái thế trên đe dưới búa, ý ông thế nào ?

Đỗ bỗng hỏi :

- Biết để làm gì?
- Khôn cũng chết, dại cũng chết. Vậy biết để sống.
- Cầu an ư?
- Ai mà không thích sống? Quan Công chịu đau đưa tay cho Hoa-Đà cắt thịt cũng là thích sống. Tần Thủy Hoàng dựng Vạn lý Trường thành mà lúc gần chết cũng còn tìm thuốc trường sinh. Tìm mà bỏ chết, đó là thường tình của con người.
- Vậy đầu hàng đi.
- Hán hay Sở ?
- Tư bản đè xuống mà hòa theo là tư cách tiểu nhân. Vô sản vùng lên, nếu nhập vào, ắt mất tự do.
- Vậy cứ khoanh tay hay sao ?

Đỗ chưa kịp trả lời, người kia đã nói tiếp :

- Tôi thường nghe mỗi khi thời thế chuyển xoay là có thuật lạ ra đời. Xưa thì Tô Tần bàn kế Hợp tung, Mạnh Tử luận “Dân vi quý”. Gần đây có người Đảng Thục mưu việc duy nhất tư tưởng Đông Tây, Hồ Hữu Tường bắn khoả muốn vượt Mác xít. Ông vẫn được tiếng là người nói giỏi, tất phải có ý định. Xin cho nghe.

Đỗ cúi đầu, người kia không chịu mà rằng :

- Hay định học lối vô vi của Lão Tử, không làm để khỏi thất bại, không tụ, để khỏi phân ly?

Đỗ bèn thở dài mà rằng:

- Vô vi làm sao được? Ở cái bình diện nhân sinh tương đối này thì làm sao mà thể hiện được cái nghĩa tuyệt đối của một chữ Vô? Vô đáy mà cũng là Hữu đáy. Hữu đáy mà lại là Vô. Khó lắm thay!

- Không vô vi tất phải làm, vậy làm gì?

Đỗ bỗng đổi giọng :

- Ông đã đọc sách Luận ngữ chưa?
- Đọc rồi.
- Tất biết chuyện Tăng- Điểm!
- Xin nghe!
- Nhân Tử Lộ, Tăng Điểm, Nhiễm Cầu, Công Tôn Hoa ngồi hầu, Phu Tử hỏi rằng Khi các người bình cư thường nói : “Chẳng ai biết đến ta mà dùng ta”. Nếu như có người biết mà dùng thì các người định làm sao? Tử Lộ ước có nghìn cỗ xe lớn, ở vào thế yếu mà chống thuyết mạnh, Nhiễm Cầu bàn đến một chương trình kinh tế ba năm cho dân no đủ. Công Tôn Hoa thì nghĩ đến việc “mặc áo huyền đoan, đội mũ chương phủ” vào nhà Tôn Miếu mà giúp việc Lễ.
- Còn Điểm thì sao?
- Tăng Điểm lúc ấy đang gảy cái đàn sắt, tiếng đàn thông thả và hòa nhã, bỏ đàn xuống, đứng dậy mà thưa rằng: Chí tôi khác hẳn ba anh kia. Đến cuối mùa xuân, áo mùa xuân đã may xong, năm sáu người trạc độ hai mươi tuổi, sáu bảy đứa trẻ con rủ nhau đi tắm sông Nghi, hóng gió nền Vũ vu, rồi hát mà về. Phu Tử thở dài mà than rằng :”Ta cũng thích như Điểm vậy !”

Người kia tròn mắt nhìn Đỗ:

- Tôi vẫn chưa hiểu.
- Có gì mà không hiểu?
- Vậy ý ông có thể thôi ư?
- Hãy tạm hiểu là như vậy.

Rồi Đỗ lẳng lặng sắp đồ pha trà, căn vặn thế nào cũng không nói. Một lúc sau nhớ tới lệnh giới nghiêm, người kia bỏ ra về. Hôm sau kể lại chuyện, cũng chẳng ai hiểu Đỗ dụng ý nói gì.

Cuộc sống nơi Kê Chợ vốn đất đỏ, số người tị - loạn càng ngày càng đông, việc mưu sinh trở nên chật vật. Thiên hạ mãi kiếm gạo, dần dà không còn ai bàn tán tới Đỗ. Thản - hoặc, có nhắc đến, cũng cho là viễn vông, vu khoát.

Nhưng từ cái đêm nhắc tới lời Phu Tử, Đỗ lại thêm phần thắc mắc. Đỗ nghĩ rằng cả bốn môn đồ Phu Tử đều có lý. Vì sở thích Tăng Điểm chính là cái đích chung của thiên hạ. Nhưng muốn tới được đó, tất phải hoàn thành cái cách Nhiễm Cầu, mưu việc Tử Lộ và tề chỉnh cho thiên hạ một thứ lễ nghi như ý Công Tôn Hoa. Bốn ước vọng tựu trung là cả một quốc sách có trình tự rõ ràng. Đỗ thán phục cổ nhân nhưng cũng thầm trách cổ nhân chỉ bày cái đích mà chẳng vẽ ra phương tiện.

Thật tình ai mà thích mặc áo mùa xuân và tắm mát sông Nghi ? Nhưng trong cơn đại loạn này, tìm đâu ra được một Tử Lộ, một Nhiễm Cầu và nhất là một Công Tôn Hoa?...

Tiếng guốc ngoại ô lần tới họp chợ sáng Bắc Qua, đã nhiều lần làm Đố giật mình thấy mình bó gối thâu đêm bên ấm trà tàn bã.

Càng suy nghĩ, càng thấy tối. Đố ngày một héo mòn. Người chủ trọ ái ngại, muốn lựa lời khuyên giải mà cũng chẳng biết nói gì.

Ngày nguyên tiêu năm mao, có mở chợ hoa. Thiên hạ tạm quên lo nghĩ, mặc áo mới, đồ ra đường, nam, phụ, lão, ấu, lũ lượt kéo tới ven hồ Hoàn Kiếm.

Muốn thêm vui, viên thị trưởng họ Thẩm ra lệnh kéo lưới bắt Rùa ở hồ lên để người Kẻ Chợ có dịp nhìn tận mặt con vật tượng trưng giật kiếm cứu quốc của vua Lê. Người hiểu kỳ xem Rùa có tới hàng vạn. Không khí tưng bừng, đây đó đèn treo hoa kết.

Người chủ trọ thấy Đố vẫn âm thầm một mình trên gác trọ, bèn thúc dục ra phố. Bắt đầu còn từ chối, sau nể lời, Đố miễn cưỡng vuốt tóc, khoác áo ra đường.

Khi tới nơi, trời đã ngả chiều, người chơi hội chỉ còn lác đác. Vì lâu không ra chỗ thoáng, Đố tinh thần sáng khoái, bèn bước vào một tửu quán, chọn chỗ khuất gọi rượu ngắm hồ.

Lúc bấy giờ, gió đông thổi lộng, sóng hồ bập bênh, trăng rằm lên ngôi, sương mỏng buông xuống ướt cả cỏ non. Đối cảnh mà cảm khái, mềm môi, uống mãi, lúc đứng lên mới biết đã say. Đố chập chững ven hồ mà bước. Một lát sau thấy mình dừng lại trước Rùa, bèn dương mắt mà ngắm. Rùa to bằng cái nia, đầu cổ sần sùi, bốn chân bị trói.

Đố đứng lặng nhìn Rùa. Rùa cũng vương cổ nhìn Đố. Dưới ánh trăng nguyên tiêu, Đố chợt thấy mắt Rùa như mờ lệ.

Nhân còn say, Đố hỏi :

- Cũng biết thù lệ ư ?

Rùa gật đầu, vươn cổ ra nhìn hồ. Nước hồ trong xanh dưới ánh trăng xanh. Đáy hồ rêu cũng xanh. Đố nhìn quanh không thấy có ai, bèn sấn tay áo cởi trói cho Rùa. Rùa dụi đầu vào tay Đố, Đố thấy mát dọi lòng tay. Bèn vỗ vào mai Rùa mà rằng :

- Thôi đi đi, từ nay nên cẩn thận.

Rùa choài mình xuống nước. Mai Rùa lấp loáng phút chốc biến mất.

Đố nhìn theo hồi lâu rồi cũng trở về.

Đêm hôm đó, Đố chần chọc, không nhắm mắt. Định đọc sách, thì tâm thần phiêu diêu bất định, chữ múa trước mắt, nghĩa sách thoáng xuôi như cơn gió mùa xuân.

Đố bèn vùng dậy, mở toang cửa sổ. Trăng tỏa đầy gác học. Trăng soi sáng bốn bề ngập sách. Sách ở bàn, ở tủ, từng chồng, từng tập, ở cả đầu giường. Quyển mở xem vội vài trang, quyển khép kín im lìm một xó tường. Mã Khắc Tư ôm ấp Lão Tử. Sartre nằm cạnh tập kinh Tân Ước. Bao nhiêu suy nghĩ, bao nhiêu cố gắng, bấy nhiêu cây mốc cắm dọc con đường tư tưởng tự nở xa xôi, rấn vườn Eden chưa từng bò sát cho đến bây giờ... Tựu trung, Chân Lý vẫn chập

chờn như đom đóm lập lòe giữ bãi tha ma. Sách lặng lẽ lên bụi. Bụi sách lung lay ánh trăng nguyên tiêu. Đổ bỗng thấy ngộp thở mà quay đi. Và dụi dè hỏi rằng :

- Thế ra mỗi người là một thế sống tùy thời mà biến hóa khôn lường. Thế Chiến Quốc, Thế Xuân Thu... Thế sống mạnh Tử và thế sống Khổng Khuru. Mà nào ai đã khuyên nhủ được ai ? Hỡi ơi ! Ta vỡ lòng trong mớ bụi dĩa văng, nhón lên cùng tập giấy mủn, nhìn thế cục xoay vần bằng con mắt cổ nhân. Nay lại định giải quyết hiện tại bằng phương quá khứ ! Còn vớ ngực trách ai nữa ?

Đổ thờ dài nhìn xuống đường.

“ Đường xanh bóng trắng. . . .”

Đường rộng rãi, thanh thang mà vắng ngắt.

Đổ cảm thấy hoang mang như người lên đường mất bạn đồng hành. Tự cời, tự do nhưng lại trầm nghĩ :

- Thế ra ta chỉ một mình ?
- Tại sao ta lại một mình, còn em ?

Đổ bàng hoàng quay lại, nheo mắt không tin. Vì đúng là có một người đứng trước mặt Đổ: một người thiếu phụ, thướt tha, mặt trắng, mắt trong, da mịn, tóc mun chảy như suối xuống vai, áo màu rêu mát lạnh.

- Nàng là ai ?

Câu hỏi tắt ngấm trong hơi thở ẩm đan. Hai vòng tay thơm ngát đã vòng quanh cổ Đổ. Trắng sáng, môi ướt mọng chín mùi, gió xuân lọt căn gác. Đổ dọn ngủi mà mê đi.

Cuối canh tư, Đổ bừng tỉnh. Hàng xóm gọi nhau ới ới thổi cơm. Gà gáy cuối phố. Cửa sổ vẫn rộng mở. Trăng sè vàng khè. Nhìn quanh vắng ngắt, duy hương vương lại, giường chiếu xô lệch, sách vở đập xuống đất, Đổ mới tin là chuyện thực. Bèn đóng kín cửa để ủ hương thừa, ngăn gió, ủ rũ suốt cả ngày, không biết làm gì.

Đêm nàng lại đến. Hỏi tung tích, chỉ mỉm cười mà không nói. Gạn dò thì nhẹ đáp :

- Đêm xuân ngắn ngủi, hỏi làm gì ? Đến với chàng thế này chưa đủ sao ?

Đổ không chịu, định căn vặn đến điều thì hai vòng tay mát dịu đã quàng nơi cổ. Đổ không cưỡng được mà mê đi.

Lại cũng như đêm trước, gà hàng xóm bắt đầu gáy, Đổ lại sực tỉnh một mình.

Từ đó, đêm nào cũng tới. Đổ bỏ cả sách, ăn uống thất thường, suốt ngày phờ phạc, sấm nấp đợi nắng từ lúc lên đèn. Có lúc nhớ tới cái không khí « giàn dưa lát phất » của Bồ Tùng Linh, Đổ rùng mình nghĩ là ma quái, nhưng lần đầu gần đàn bà, gia dĩ môi nàng ấm quá, da nàng mịn màng, cho nên định hỏi lại thôi, có ngờ cũng không cự tuyệt. Trăm nghìn câu hỏi, áp má người ngọc, Đổ lại mê đi mà quên bẵng.

Người chủ trọ quen tính, cũng không lấy làm lạ, cho Đổ bơ phờ bởi, quá chăm học, chỉ biết ái ngại lắc đầu.

Cứ như thế, thoát đã nở mùa hoa phượng. Cuộc tình duyên lặng lẽ giữa hai người kéo dài cả một vụ xuân. Một đêm, nàng đến mà ngồi yên, nét buồn in trên vẻ mặt. Đổ có nắm tay, cũng gượng gạo mỉm cười nhưng không dấu nổi ưu tư. Định hỏi, nàng đã thỏ thẻ bên tai :

- Đã đến lúc xa nhau rồi đấy !

Đổ không tin mà cãi :

- Xa làm sao được ? Mà ai bắt xa nhau ?

Nàng ngồi yên một lát rồi mới nói, giọng như đượm lệ :

- Chàng với em vốn có tiền duyên, chàng còn nhớ ngày hội nguyên tiêu ?

Đổ gật, Nàng nói tiếp :

- Em vì mãi vui hôm đó nên sa cơ mắc lưới. Chàng vì lòng hào hiệp mà cời trói cho em. Thụ ơn nặng cùng chàng nên mới có ngày nay.

Đổ thốt nhiên nhớ lại, giật mình :

- Vậy ra nàng là. . . .

- Em vốn là loài Rùa, tu đã trọn kiếp, nhất là có công với Đất Nước này nên được Thiên đình giao cho cai quản ngôi tháp giữa hồ Hoàn Kiếm.

- Nàng nói sao ? Nàng có công với Đất Nước này ?

- Chàng đọc sách nhiều, quên việc xây thành Cổ Loa rồi sao ?

- Trời ơi Thần Kim Quy !

- Là em đó . . .

- Còn chuyện thanh gươm Lê Lợi ?

- Cũng là tại em !

Đổ cúi đầu suy nghĩ, giây lâu mới nói lên lời :

- Nhưng tại sao lại phải xa nhau ?

Nàng thẫn thức trả lời :

- Em đi lại với chàng, không dấu nổi tai mắt Thiên Đình mà mang tội phải đầy sang Động Đình Hồ. Em lén đi giây lát để chàng biết chuyện, mai sớm đã phải lên đường.

Đổ ôm lấy vai nàng :

- Chậm lại ít bữa được chăng ?
- Lệnh Thiên Đình không thể trì hoãn. Vả công sai áp giải đã chực sẵn từ sáng. . . . Mới lại đàng nào chẳng phải xa nhau ?

Đỗ ngùi ngùi gặng hỏi :

- Xa nhau mãi ư ?
- Sớm lắm cũng khoảng hai năm. Còn chậm, thật chưa biết đến bao giờ.

Nói rồi, hai người nhìn nhau thẩn thức. Ve kêu ran ngoài đường khắp các cành cây. Sao từng ngôi lấp lánh vòm trời. Nàng chột đứng dậy, nhưng Đỗ bàng hoàng nắm áo, nhất định không chịu chia tay. Nàng đành nuốt lệ nói sảng :

- Xa nhau ít lâu rồi lại gặp, Chàng sao nặng tình quá thế !

Đỗ rằng :

- Bây giờ mới biết thế sao ?

Biết Đỗ giận, nàng vội nhích lại gần :

- Nói đùa chàng đấy . . . Thật tình biết chàng từ lâu, ngay từ khi chưa gặp . . .
- Thật hay đùa nữa ?
- Thật đấy ! Ngày ngày ven hồ mà đi nghe giảng văn, ai mà không thấy ? Lại những trăng đêm đọc sách, vẻ ưu tư của chàng, gọn cả sóng hồ. Em vốn cũng nặng tình với số phận Đất Nước, làm gì mà không để ý ?

Đỗ vội hỏi :

- Ở đây rồi sẽ ra sao, có thể biết trước được không ?

Nàng cười mà không trả lời.

Đỗ lại gặng hỏi, thì nàng đáp :

- Biết làm sao được ?
- Cảnh nàng chắc cũng có vòn luận nhiều đến thời cuộc, nữ nào lại còn giấu nhau ?
- Thân còn không tiếc, giấu chàng làm gì việc ấy ?

Đỗ tần ngần mà rằng :

- Tôi tưởng đã có định trước . . .
- Định hẳn làm sao được ?

- Thế sao lại có việc Lê Lợi đào được kiếm thần ?
- Đào được kiếm thần thì ai đào mà chả được ? Thiên Đình thật ra có biệt nhỡn riêng ai ? Chỉ sợ không sử dụng nổi kiếm thần mà thôi ! . . .

Đỗ không tin :

- Nếu có kiếm thần trong tay thì còn sợ gì nữa ?

Nàng liền nói tiếp :

- Trước kia em cũng lầm tưởng như chàng cho nên mới hủy công tu luyện mà ra công giúp đỡ Thục Vương. Ấy thế mà rồi cũng hỏng cả . . . Nỏ thần dù màu nhiệm, nẹp xoáy Loa thành có hiểm trở nhưng người đứng đầu không vững tay sử dụng thì đại sự vẫn không thành . . . Nhân sự thật thật là phức tạp. Tính trước làm sao được mối oan tình Trọng Thủy, My Châu ? Cho nên Thiên Đình dù có biết trước thời cơ cũng không lý nổi nhân sự. Lê Lợi, Quang Trung chẳng qua chỉ là những người ý thành, tâm chính, hiểu thời, nổi dậy mà thiên hạ phải bình, có thể thôi !

Nàng bật lời, cúi đầu ngẫm nghĩ. Đỗ cũng cảm thấy xáo trộn trong tâm mà yên lặng không lời . . . Trên trời, sao từng ngôi tắt ngấm. Rì rào ngọn gió bắt đầu kể lể riêng tây đây đó, từng lá từng cành. . .

Giọng người thần nữ Kim Quy lại thồn thức cất lên :

- Trước kia vì đại sự mà giận My Châu, bây giờ thật mới hiểu nàng.
- Sao ?
- Lại còn phải hỏi ư ?
- Có bằng My Châu, Trọng Thủy không ?
- So sánh làm sao được ?
- Nếu muốn thử thách, liệu có dám làm như My Châu không ?
- Có lẽ cũng không giữ nổi lòng đâu !

Đỗ dụt dè :

- Ngộ . . . muốn xin chiếc kiếm Lam Sơn thì sao ?
- Em được lệnh trên mà lấy lại kiếm thần nhưng lại không giữ . . .
- Ai giữ ?
- Chính Lê Lợi ! . . . Nhưng chàng muốn được kiếm để làm gì ?

Đỗ chợt dần giọng :

- Nhận trách nhiệm. Mưa đại sự.

Dứt lời, gió đột nhiên tự bốn phương ào ào đưa lại. Vòm trời đen kịt nhằng nhịt ánh chớp. Căn gác rung lên cùng tiếng sấm vang dậy.

Thần Kim Quy tái mặt vùng dậy :

- Trời ơi !

Đỗ cũng hoảng hốt xô lại định giơ tay đỡ, nhưng nàng đã rú lên :

- Đừng, đừng chạm vào em ! Em không còn là em nữa đâu !

Trước mắt Đỗ, thần Kim Quy . . . lần lần lộ nguyên hình.

Đỗ thốt thức cổ nói :

- Đừng quên nhau . . .

Ánh chớp sáng loáng mai rùa, long lanh ngấn lệ. Thần Kim Quy gật đầu rồi từ từ bò khuất vào giữa cơn bão gió đen kịt đêm tàn xuân. Đỗ gục vào thành giường mà khóc cho đến sáng.

Gần sáng, bão gió chưa tắt, mưa đã dội xuống. Rồi vù mưa vù gió suốt ba ngày ba đêm không lúc nào ngớt. Cây cổ thụ Kê Chợ bật gốc có đến mấy trăm thân, nhà Kê Chợ bay nóc có trên hàng nghìn chiếc.

Trời hừng nắng, thì cá hồ Hoàn Kiếm chết nổi lênh bênh như bèo Nhật bản. Thiên hạ hiếu kỳ rủ nhau đi xem đông nghịt ven hồ, ai cũng lấy làm lạ. Duy có Đỗ từ buổi đó thì thôi hẳn ra đường, suốt ngày thơ thẩn trong phòng, lẩm lức vật mình mà khóc, có đêm ôm gối tương tự, như điên như dại. Lúc đầu còn có bạn đến thăm, nhưng vì lãnh đạm không tiếp, lâu dần chẳng còn ai lui tới.

Năm Mão qua đi mà trọn bốn mùa, Đỗ không thôi thương nhớ. Một ngày trọng Đông năm Thìn, Đỗ không đâu mà cảm thấy bồn chồn, tâm linh xao động, dường như có gì thúc bách. Bèn tung chăn đứng dậy, bách bộ quanh phòng. Một lát, dừng bước trước đồng sách. Quen lệ cũ, đã định giơ tay với một cuốn : gió bắc chợt lọt kẽ song, phả vào mặt Đỗ một mùi tử khí tự đồng sách dâng lên. Nhìn kỹ, mốc xanh lốm đốm khâm liệm đồng sách đã tự bao giờ. Nhằng nhịt, nhện đã giăng tơ, tơ nhện hững hờ tựa tường tỏa trắng một góc buồng. Tự đêm nguyên tiêu kỳ ngộ, có lần nào Đỗ nén lòng đọc được một trang ? Và lại, cũng tự đêm ấy, Đỗ bắt đầu thấy ngáy chữ nghĩa cổ nhân . . .

Đỗ nhìn xuống bàn tay. Bàn tay vốn xanh xao bỗng trở nên gân guốc. Như muốn đập phá. Như muốn cấu xé. Thế rồi, giữ lại cũng không kịp, hai bàn tay, mười ngón chồm lên, khi định thần, đồng sách đã nằm gọn trong lò sưởi góc phòng.

Cuộc phân thư bắt đầu.

Năm xưa, ngọc lửa phân thư nhóm lên do một bàn tay ứa chuyện “khanh nho”. Kẻ sĩ đời Tàn nghẹn ngào, hần học, lời nguyện rửa vượt khỏi Trường thành, sang sông cập đến tai hậu thế.

Giờ đây, lửa phần thư lại do chính một kẻ sĩ tự ý gây lên. Lửa không lan rộng mà âm ỷ xoáy hẳn vào bề sâu một cơn khủng hoảng.

Đỗ nhập thiền, vừa chùng kiến, vừa chịu cực hình một lễ hỏa thiêu lạ lùng. Từng tờ một, quần quai để rồi siêu thoát, từng nguồn tư tưởng, Christ từ từ ngược lại quãng đường dẫn tới đỉnh Golgotha. Thích Ca Mâu Ni lại gặp một gốc Bồ đề. Mã Khắc Tư thủ thế trước Freud. Sartre giật mình, ngỡ ngẩn trong một thế ngõ cụt. Rồi lần lượt He'gel, Lão Tử, Khổng Khưu. . . Từng tờ một, thiêu dần từng nỗi băn khoăn. Đỗ qua từng cơn cảm giác tân kỳ. Có lúc xót xa như bị lột xác, có lúc rộn người như thoáng bóng ma, nhiều khi ê chề như bị lãng trí. Dần dà thì tâm trí lằng lằng, ngũ giác gập phần mình mẫn. TỰởng như mang nỗi nghìn cân, mọc cánh mà bay ngang con hồng, con hộc, vượn mình đuổi kíp ngực Kỳ, ngực Kỳ.

Ngọn lửa trong lò cũng qua cơn ngùn ngụt, tới độ điều hòa. Đỗ đắm mình trong hơi ấm của lửa. Giữa tiết trong đông mà không khí gian phòng gọi đến nước sông Nghi và tắm áo mát của thầy Tăng Điểm. Không khí gọi đến hơi thở của . . .

- Em đã về đây ...chàng !

Lửa phần thư đã tắt. Trên đồng tro tàn của đồng sách hỏa thiêu, người thần nữ Kim Quy xuất hiện.

Đỗ bàng hoàng giơ tay chơi vơi. Nàng từ lò sưởi bước ra, hương thơm ngây ngất quanh phòng.

- Trời ! Ta mê hay thật là nàng ?

Đỗ nắm chặt tay người thần nữ. Yên lặng ngùi ngùi trong gian phòng ấm áp.

Một lát sau, nàng nhẹ nhàng rút tay ra rồi mỉm cười :

- Đã quyết định rồi sao ?
- Sao lại hỏi thế ?
- Thế sao lại đốt sách ?
- Đốt sách là quyết định ư ?
- Chàng chỉ còn một chút sản nghiệp tinh thần, Hỏa thiêu đi là đã có ý định rồi đó !
- Không biết có ý định gì, nhưng vì đốt sách mà gặp lại nhau, không quý sao ?
- Tại sao chàng biết đốt sách thì gặp lại em ?
- Căn vặn nhau mãi !

Nàng ngồi yên không nói. Đỗ gạn hỏi thì nhìn Đỗ mà tủm tỉm cười. Bèn nắm lấy tay, đùa mà dọa :

- Không nói thì lại bắt chước họ Thẩm, còn nhớ không ?

Nàng nghiêm nét mặt :

- Cái dây của một viên thị trưởng bằng sao được một mối tình ? Không cần trói cũng khó mà rời nhau . . .

Thấy Đỗ ngậm ngùi, nàng lại nói tiếp :

- Lần trước gặp chàng vì tiền duyên. Cũng vì tiền duyên mà mang lụy tại Động Đình Hồ. Nhưng vì mối tình của chàng có nặng, sóng tình cập tới Thiên đình, nên em sớm được trở lại với chàng . . .

Đỗ lộ vẻ mừng:

- Có thể ở luôn với nhau được không ?

Nàng rằng :

- Sao lại không ? Nhưng còn phải đợi . . . Số là, lại với chàng, em còn một nhiệm vụ.
- Sao ?
- Chàng cứ yên, em xin nói. Trước khi gặp em, chàng thường bắn khoán về thế cuộc. Điều đó chân thành xuất tự tâm can, hiện lên về mặt, tất không giấu nổi Thiên đình. Nhưng muốn mưu đại sự, một nỗi bắn khoán tất nhiên chưa đủ. Cần phải có thời . . . Mà xét kỹ thì thời đến rồi đó . . .
- Xin nói rõ cho nghe . . .
- Chàng còn nhớ khi chia tay bạn trước, chàng có gọi đến việc kiếm thần . . .
- Quên làm sao được ?
- Chuyện có thể thành đấy. . . Nhưng . . .chàng có hiểu tại sao em lại về đây, giữa khi chàng đốt sách ?
- Hiểu làm sao được . . .
- Thật tình nếu không có việc đốt sách thì chẳng bao giờ lại được gặp nhau.
- Ồ ! . . .
- Vì . . . Thiên đình tuy để ý tới chàng nhưng còn đợi chàng tự ý quyết định.
- Vậy ra đốt sách là quyết định hay sao ?
- Chưa hẳn là thế, nhưng ít ra cũng lộ một phần ý chí . . .

Đỗ vùng dậy, đi lại quanh phòng. Người thần nữ yên lặng nhìn theo, đầu mày cuối mắt lộ tình quyến luyến. Đêm lặng lẽ xuống dần. Lòng người trẻ tuổi tơ vò trăm mối.

Có cơn gió bắc lọt kẽ song. Đổ rùng mình tiến lại phía người thàn nữ, người nàng ấm như áo khinh cừu. Hai bàn tay run rẩy như hai con sẻ, Đổ hơi nhích ra xa, giọng cất lên biểu lộ nỗi đắn đo đến cực độ.

- Giờ đây xin ngồi yên để nghe lời vàng ngọc. Nàng hãy giảng giải rõ ràng. Sau cùng sẽ xin quyết định.
- Xin hỏi lại chàng, tại sao lại đốt sách ?
- Cũng không hiểu tại sao. Lúc biết thì lửa đã bén vào sách.
- Thật ra thì cái việc phân thư của chàng âm ỷ đã từ lâu. Từ lâu, từ đêm đầu tiên gặp gỡ, chàng đã thấy bực dọc với chữ nghĩa của người xưa . . .
- Xin nghe . . .
- Chàng khổ tâm vì trong cái thế tranh hùng Hán Sở, không biết đâu là nơi dụng võ. Một đảng là mặt đe nẩy lửa. Một đảng là kẻ có tiền, một đảng hoàn toàn tay trắng. Nhập vào đâu cũng chỉ là kẻ nhất thời. Đứng ở đâu cũng là mượn tạm đất đứng . . .

Người thàn nữ im lặng giây lâu, rồi lại tiếp :

- Lý ưng ra, chàng phải nhập vào bọn người áo vải vì thật tình sản nghiệp của chàng không một tấc đất cắm dùi. Nhưng cái khổ của chàng lại là những uẩn khúc tâm tư, nặng nhứt, dọc ngang như thế bàn cờ . . .
- Vậy đốt sách đi . . .
- Đốt được nhà . . . nhưng đốt sao được sách ? Chàng còn nhớ cuộc phân thư thuở ban đầu xây dựng Trường thành ? Càng đốt sách, nghĩa của chữ lại càng trong trẻo, dễ vút lên cao, dễ lan ra rộng . . . Họ Tần đốt sách Khổng Khuru vậy mà cái lý Tam cương của người nước Lỗ có bị hỏa thiêu cùng sách ?
- Thế là đốt sách . . .
- Là một chuyện cần. Vì đối với chàng, đó là một hành vi quyết định. Hành vi đó lại là một lời cầu nguyện động đến Thiên đình. Và em đã được phép trở lại với chàng, khi lửa phân thư đã bắt đầu dịu ngọn. Chàng muốn thiêu hủy đến không còn một tấc đất tư duy. Nhưng kết cục, chàng lại thấy em, giữa đống tro tàn. Em là của chàng. Cũng như đã từ lâu chàng là của riêng em.
- Nói vậy, hóa ra lại là Vương Khải, Thạch Sùng ? Cái lẽ quyết định là ở chỗ đó sao ?
- Sao lại mơ hồ đến thế, hở chàng ? Mặt trời sắp mọc và mặt trời đang lặn, ánh sáng tuy bàng bạc như nhau, nhưng sao lại vì cái thế bình minh khởi sắc với ánh tà thoi thóp của lửa hoàng hôn ?

Đổ cúi đầu suy nghĩ. Trong tịch mịch của đêm đông, người con trai bắt đầu giác ngộ. Giữa bãi chiến trường nhọn hoắt đao gươm, Đổ dần dần nhận ra chỗ đứng của mình. Người thàn nữ đọc được ý nghĩ của chàng. Nàng bèn lên tiếng :

- Trong binh pháp, thường nhắc đến thế bối thủy. Chàng nhận thấy chưa ? Không tiến cũng chết. Mà đứng yên lại càng chóng chết.

Đỗ ngược mắt nhìn nàng :

- Không biết một mình có làm nổi . . .
- Sao lại một mình ? Thời đã đến, ắt là cái thế chung cho phần đông thiên hạ. Vả lại kiếm thần sẽ giao phó tận tay, chàng ngần ngại ư ?

Đỗ đứng phất dậy :

- Thật ư ? Kiếm thần . . .
- Nhận kiếm thần chính là nhận nhiệm vụ.

Đỗ bồn chồn :

- Vậy bao giờ ?
- Hẹn chàng giữa đêm trừ tịch, năm nay.
- Ngay bây giờ không được sao ?
- Ngay bây giờ ư ? Bây giờ. . . chàng ơi ! . . .

Giọng người thần nữ thiết tha. Mắt nàng ngời sáng. Đỗ lạc vào một rừng hoa lạ. Trong yên lặng của trời đất, niềm giao hòa vượt khỏi nhung của da và hoa hồng tím thắm của môi, chơi vơi tới mãi nơi thượng tầng tinh khí.

Gà gáy sáng tự bao giờ.

Năm Thìn, giữa đêm trừ tịch, cầu Thê Húc tự nhiên sụp đổ. Người Kẻ Chợ đi xin lộc đền Ngọc Sơn ngã xuống hồ không biết bao nhiêu mà kể. Thiên hạ xôn xao. Có người cho là Thần Rùa báo oán việc xưa. Có kẻ nghi là điềm gở, tính việc bán nhà mà bỏ vào Nam.

Lúc sửa lại cầu, viên đốc công thấy chân cầu tuy gãy mà gỗ vẫn tốt nguyên. Duy chỗ gãy như có vật sắc phật ngang, ngày đêm rỉ nhựa đỏ lôm như máu. Nói lại, ai cũng cho là lạ. Kẻ bàn, người tán, không biết ra sao.

Có người biết Đỗ, tìm đến nơi định hỏi. Nhưng cũng giữa đêm trừ tịch, Đỗ đã bỏ kinh thành, biệt vô âm tín ./.

Thần Thập Rùa Vũ Khắc Khoan Viên Linh

Nhà văn, kịch tác gia Vũ Khắc Khoan sinh năm 1917 tại Hà Nội, từ trần vào tháng 9, 1986 tại Minesota, Hoa Kỳ. Song song với hoạt động văn học, ông là một giáo sư thường trực tại các trường Chu Văn An Hà Nội, sau này vào Sài Gòn, dạy tại Trường

Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ, các Đại Học Văn Khoa, Đại Học Đà Lạt và nhiều trường khác.

Tác phẩm của ông không nhiều, song cuốn nào cuốn nấy đều gây âm hưởng sâu rộng, bền bỉ, chẳng hạn Thần Tháp Rùa, Thành Cát Tư Hãn, Mơ Hương Cảng, Thăng Cuội Ngồi Gốc Cây Đa. Người viết bài này khi còn niên thiếu được học ông tại Chu Văn An Hà Nội, Sài Gòn, khi trưởng thành cùng được viết với ông trên nhiều tờ báo: Sáng Tạo, Nghệ Thuật, cũng chính ông đã đưa người viết vào làm tổng thư ký Tòa Soạn Nhật báo Đất Tổ của Phật Giáo, trong giai đoạn đấu tranh khá căng thẳng giữa tôn giáo vào chính phủ của hai ông Nguyễn Văn Thiệu, Nguyễn Cao Kỳ, khoảng 1967, 1968. Từ đó ông bảo “gọi bằng anh được rồi.” Nhân ngày giỗ thứ 24 của ông, xin trích đăng lại dưới đây những đoạn trong cuốn hồi ký đang soạn, [cũng xin thêm những chú thích trong ngoặc vuông hầu giúp người đọc tránh được những thắc mắc không cần thiết].

Viết về Hai Mươi Năm Văn Học Miền Nam, khởi từ 1954 tới 1975, có nghĩa là khởi từ các nhóm Tự Do, Quan Điểm, tiếp một chút ngược lên nhóm Chân Trời Mới. Sau Quan Điểm, sau Chân Trời Mới, mới tới những Nhân Loại, Văn Nghệ Mới, Bách Khoa, Sáng Tạo, Hành Trình, Đất Nước, Văn Nghệ Nghĩa là sau Đỗ Thúc Vịnh, Vũ Khắc Khoan, Mặc Đỗ, Nghiêm Xuân Hồng; sau Tam Ích, Thiên Giang, Thê Húc, mới tới những Sơn Nam, Bình Nguyên Lộc và Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên; và Nguyễn Văn Xuân, Vũ Hạnh, Võ Phiến; rồi Dương Nghiễm Mậu, Viên Linh, Nguyễn Đức Sơn, và Thế Nguyên, Diễm Châu, Đỗ Long Vân.

- Cái bắt buộc đó từ 1975, 1976 anh Khoan và tôi cùng phải đối diện: Tổ chức The Ford Foundation ở Nữu Ước, thường tài trợ cho công việc nghiên cứu văn hóa, khi miền Nam sụp đổ, trong quỹ còn vài trăm ngàn phải tiêu cho hết, nên đã treo đầu 18 cái học bổng cho “các học giả và tác giả Đông Dương gồm cả Việt Miền Lào.” Anh Khoan và tôi, hai nhà văn duy nhất được chọn với hai đề tài văn học (bên cạnh 16 người khác được chọn cho những đề tài kinh tế chính trị tôn giáo triết học.) Tôi nhớ một số trong số những người kia là Tướng Lào Vang Pao, ông Dohamide Abu Talib, người Chăm Việt Nam, Giáo Sư Nguyễn Ngọc Huy về vấn đề Chính đảng, Linh Mục Lương Kim Định, Thượng Tọa Thích Giác Đức về hai đề tài tôn giáo, cựu đại sứ cuối cùng của Việt Nam Cộng Hòa ở Mỹ, Nguyễn Kim Phượng (không rõ đề tài, hình như về Tổ Chức Công Quyền của Việt Nam Cộng Hòa), anh Cao Thế Dung viết về một đề tài nông nghiệp thóc gạo gì đó, và một vài học giả Mỹ chuyên về Việt Nam. Trong khi tôi viết về Văn Học Miền Nam thì anh Khoan viết về Tuồng Chèo Việt Nam.

Với học bổng này, đây là lần thứ ba kịch tác gia Vũ Khắc Khoan và tôi, hai thầy trò, có nhiều dịp gặp nhau vì cùng làm việc trong một khung thời gian chung, cho một công việc nhiều liên hệ chung. Lần đầu là nhật báo Đất Tổ của Phật Giáo, do [cố] Hòa Thượng Thích Thiện Minh chủ trì, đầu vào khoảng 1966, 1967. Trước đó, biết tôi từng làm thư ký tòa soạn nhật báo Dân Ta của nhà thơ Nguyễn Vỹ, nên khi nhật báo Đất Tổ cần một thư ký tòa soạn, anh đề bạt tôi. Lần thứ hai là khi Cục Quân Huấn, lúc đó Đại Tá Cao Đăng Tường làm cục trưởng, có tổ chức một cuộc thi kịch cho toàn quân, anh Khoan và tôi được mời làm giám khảo. Lúc ấy anh là trưởng ngành kịch của trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ, còn tôi là ủy viên kịch trong Ban Chấp Hành Hội Văn Nghệ Sĩ Quân Đội do Đại Tá Anh Việt Trần Văn Trọng làm chủ tịch.

Với cuộc chấm giải kịch Quân Đội, anh em tuyệt đối không bàn luận với nhau, trừ ngày chót quanh bàn họp, vở anh chọn trao giải nhất thì tôi chọn trao giải nhì; vở anh chọn trao giải nhì thì tôi chọn trao giải nhất. Dường như Đại Tá Cao Đăng Tường, trưởng ban tổ chức, đã góp ý kiến để đi đến quyết định, tôi không còn nhớ như thế nào, vì buổi họp hôm ấy khá vui, quanh một bàn ăn thịnh soạn, và nhất là trong bữa ăn, Đại Tá Hùng, hai ba tháng sau đó được bổ nhiệm làm tổng cục phó Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị, lúc ấy đã cứ gọi “Thằng Thiệu” ra đả kích, dù lúc ấy ông Thiệu đang là tổng thống.

Vũ Khắc Khoan ít nói, nói thì chắc. Lời anh nói ra là một câu văn đã gọt giũa, không thừa, đôi khi có thể thiếu, chứ không thừa. Cái thiếu nếu có, người nghe phải tự hiểu là gì. Khi nói, Vũ Khắc Khoan nhìn sâu vào mắt người đối diện, cặp mắt đôi khi có gân máu. Ánh mắt anh lúc ấy cũng nói, một thứ tiếng nói không âm thanh. Tiếng nói, cử chỉ, cái nhìn của anh là một. Chủ thể là chủ thể, chớ làm, và chủ thể đang nói, đang hành động. Anh cũng ngắt lời ngay nếu đối tượng lòng vòng, hay lơ mơ, hay đang tìm cách thoái thác. Từ lúc là học sinh đệ thất đệ lục học anh đôi giờ Sử ở Chu Văn An Hà Nội tới khi cùng làm việc với anh ở Sài Gòn, tiếp xúc lại ở Hoa Kỳ, chưa bao giờ tôi thấy nơi anh một hành động một cử chỉ sơ suất. Phóng khoáng thì luôn luôn, mà sơ suất thì không.

Khoảng 1951, khi còn ở Hà Nội, tôi đã được đọc Vũ Khắc Khoan. Còn nhớ đó là vở kịch Giao Thừa. Người đọc giả nhỏ tuổi lúc đó ở tôi đã rất thích cái cảnh một nhân vật loay hoay với cái bàn năm chân, và một nhân vật loay hoay định nghĩa chữ “Giao Thừa.” “Kịch” đi vào tôi với cái bàn năm chân của Vũ Khắc Khoan từ đó.

Anh Khoan trong suốt thời gian quen biết chỉ nói về kịch với tôi dăm ba lần, lần anh làm giám khảo Giải Văn Học Nghệ Thuật Toàn Quốc bộ môn kịch, năm tôi gửi vở Con Đường Ngựa Chạy dự thi - chỉ đoạt giải đồng hạng, năm đó chỉ có một giải đồng hạng cho hai người, không có giải nhất - lần anh và tôi cùng làm giám khảo Giải Thưởng Kịch của quân đội do Cục Quân Huấn tổ chức, và một lần liên quan đến tác phẩm dài đầu tay của tôi in năm 1966: cuốn Thị Trấn Miền Đông. Khi sách do tạp chí Văn xuất bản, nó là một tân truyện, song thực ra nó là vở kịch cùng nhan đề đã đăng làm ba kỳ trên Tạp chí Văn Nghệ. Trần Phong Giao, người gây dựng tạp chí Văn ở Việt Nam nói kịch không thể bán được, muốn Văn in, phải sửa nó thành tân truyện. Người tác giả trẻ là tôi lúc đó đã nhượng bộ: chữ kịch, các ghi chú của kỹ thuật kịch, bị xóa bỏ, và Thị Trấn Miền Đông được in ra dưới dạng một truyện cỡ trung. Một tân truyện. Anh Khoan sau đó gặp tôi trước tòa soạn tuần báo Kịch Ảnh, trên đường Phạm Ngũ Lão, nghiêm nghị nói: “Trường cậu không để ai thuyết phục được mới phải?” Lời này làm tôi hơi cay, tuy lời lẽ anh thường là như thế. Nhớ hồi còn ở trong lớp, bọn ngồi bàn chót nói chuyện âm ỉ, anh bắt cả bàn đứng dậy, từ tốn nói:

“Các anh nhìn xuống mặt ghế.”

“à?”

“Nhìn xem các anh chiếm mất bao nhiêu diện tích chỗ ngồi?”

“???”

“Nhiều người tử tế đảng hoàng đang mong ước những diện tích đó. Tùy các anh!”

“Tùy anh,” hay “tùy các anh,” là mấy chữ Vũ Khắc Khoan ưa dùng, hay dùng.

Tác giả Thành Cát Tư Hãn lúc nào cũng lừng lững như một pho tượng. Trên sân khấu trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ, chỉ cho Trần Quang một động tác trước khi Thành Cát Tư Hãn kéo màn. Trong Đêm Mầu Hồng một giờ sáng, ngồi sau một mặt bàn tròn, gỗ bàn mà ngâm Hồ Trường. Đi trên hành lang Phủ Quốc Vụ Khanh Văn Hóa, bước xuống quán nhậu Hải Biên, mái tóc chải ngược về phía sau, hai vai chắc nịch, cặp mắt mở lớn, rọi thẳng, bước đi vững chãi; anh có cái điệu bộ đi thẳng vào đám đông như biết đám đông sắp giãn ra, để sau đó nhìn theo sau lưng anh mà ngưỡng mộ một tấm thân nam tử.

Vũ Khắc Khoan đứng trong nhóm Quan Điem từ Hà Nội, “trí thức tiểu tư sản với vận động lịch sử,” hình như có một thời gian có liên lạc với cuộc vận động của Phật Giáo. Anh là người muốn tôi giữ vai trò Tổng Thư Ký Tòa Soạn nhật báo Đất Tổ, đúng vào lúc chính phủ của hai ông quân nhân Thiệu Kỳ và Phật Giáo đi đến chỗ quyết liệt. Rất ngần ngại bởi tình thế lúc đó, và đang bận rộn với một vài báo khác, tôi đã lưỡng lự. Anh nói, Đất Tổ cần một người có nghề báo đã đành, Đất Tổ còn cần một người có thiện cảm với Phật Giáo, và là người quen biết tin được, vì thế anh mới đề nghị tôi.

Không có cách gì từ chối, tôi đã trải qua những ngày tháng làm báo căng thẳng, bởi tòa soạn luôn luôn bị rình rập, theo dõi. (Một tòa soạn rất ít người lui tới, chỉ có các chú nhỏ xẹt qua ném

bài vào bàn, chỉ có các bà già đem bản thảo tới. Một ông thầy nữa của tôi ở Hồ Ngọc Cẩn là Lữ Hồ, viết hàng ngày cho Đất Tỏ, chỉ lái cái xe Deux Chevaux sát lề, quãng bài đã cuộn quanh một cục đá qua cửa, rồi chạy luôn.) Mỗi ngày những cái tựa nẩy lửa, những bài viết dử dội. Chúng tôi có thể bị bắt bất cứ lúc nào.

Có một hôm, sau cuộc họp báo của phe quân nhân, đặc phái viên Đất Tỏ, Nguyễn Khắc Nhân, bạn tôi, hiện là chủ nhiệm Người Việt San Diego, chạy về tòa soạn với lời nhắn "mấy ông Đất Tỏ" của ông Nguyễn Cao Kỳ. Lời nhắn tôi cho là đứng đắn và thành thật: "Anh về nhắn mấy ông Đất Tỏ, chúng ta là những người trẻ, có gì thì nói thẳng với nhau."

Nhưng những người trẻ chưa có dịp nói thẳng với nhau thì Đất Tỏ bị đóng cửa. Anh Khoan, sau đó tôi biết rõ, hay cười giật mỗi khi nhìn tôi. Anh chẳng nói gì, cười giật, và trong mắt nhìn thấy cả nụ cười.

Vũ Khắc Khoan viết khó khăn. Anh giữ mục Nhật ký Văn Nghệ khi tôi làm tổng thư ký tòa soạn tuần báo Nghệ Thuật (chủ nhiệm là Mai Thảo). Khi giải, gần một trang, khi không, nửa trang, thường thường lại không có. Cho nên ít khi tôi chờ bài anh, vì chờ đợi hoài công.

Cũng chẳng giục; hỏi thì có hỏi mà không giục. Anh viết thất thường, tôi không coi anh là người viết báo, như Bình Nguyên Lộc, Mặc Đỗ, Võ Phiến, rất đều đặn. Anh chỉ là người viết tác phẩm. Những gì anh có thể đăng báo là những thứ lặt vặt, những thứ tiền-tác-phẩm, những gỗ vụn, ngói vỡ mà người kiến trúc là anh không dùng làm gì được trong việc xây dựng ngôi nhà lớn. Khi đó, anh có một chút để đăng báo, chẳng hạn, Nhật Ký Văn Nghệ.

Tháng chín và "Thần Tháp Rùa" Nguyễn Xuân Hoàng

Tháng Chín 1986 khi tôi vừa chân ướt chân ráo đến Mỹ đã nhận được tin buồn đầu tiên trong giới văn học: kịch tác gia Vũ Khắc Khoan qua đời ở Minnesota. Buổi sáng ngồi uống cà phê với Mai Thảo ở quán Song Long, Little Saigon, anh cho biết anh sắp đi Minnesota tiễn đưa Vũ Khắc Khoan. Tôi nhìn anh. Nhìn ra cửa kính. Nhìn tờ Los Angeles Times trước mặt. Nhìn xuống ly cà phê. Mai Thảo nói cậu mới vào làm tờ Người Việt, công việc còn bẽ bộn, chỗ ăn chỗ ở chưa xong, cậu yên tâm, tôi sẽ nói với ông Thần Tháp Rùa là cậu có lời hỏi thăm. Là đủ nhé! Ở nhà nhớ viết cho Văn một bài về ông ấy đi. Nhớ đấy! Và tôi nhớ, trong những ngày khá bận rộn ấy, tôi đã viết những dòng chữ đầu tiên về Vũ Khắc Khoan.

Trở về từ xứ Vạn Hồ, Mai Thảo thực hiện ngay số Văn đặc biệt tưởng niệm Vũ Khắc Khoan*. Trên trang Sở Tay, anh kể lại chuyến đi Minnesota ở nhà Cung Tiến, thành phố Roseville. Và tác giả *Thu Vàng* sau khi đón anh từ phi trường về đã nói với Mai Thảo là anh đã đến thành phố này đúng mùa thu vàng tới. Theo Cung Tiến: "... thu đẹp nhất ở đây những ngày có nắng. Cái nắng tháng Chín, tháng Mười lộng lẫy." Thế nhưng, Mai Thảo kể lại, buổi sáng hôm đó "thức giấc nhìn ra thấy trời đang xám và thấp. Trần mây nặng trĩu. Và những giải nắng vàng tươi trên những tầng dương kia sự thật chỉ là chính những chùm lá dương những chỗ đã thay màu. Và buổi sáng hôm nay ở Hồng Hoa Tỉnh - CungTiến đặt tên cho Roseville -, ở Minnesota, dưới mọi vòm trời văn học hải ngoại thầy đều không có mặt trời, không có nắng sớm, không có lộng lẫy. Không có. Không có. Vũ Khắc Khoan, một ngày trước tôi đến, đã mất."

"... trọn vẹn mấy ngày ở lại thêm với Minnesota, đi dưới những trận mưa phùn, trên những con đường lá dương vàng rực, đỏ ối, tôi chỉ muốn nghĩ tới Vũ Khắc Khoan trong những điều rất thân mật, bình thường. Như chúng tôi đã sống với nhau gần trọn một đời qua những điều ấy. Cái áo vắt vai của Vũ ở hậu trường. Cái khăn quàng đỏ của Vũ ở phi trường Liên Khàng. Cái ống điếu của Vũ ở sân trường Đại học Đà Lạt. Cái tinh thần yêu đời lấp lánh mấy chục năm liền giữa bang phái văn nghệ chúng tôi..."

Cái tinh thần yêu đời "lấp lánh" là cách dùng chữ đặc biệt của Mai Thảo. Tôi vẫn còn nhớ lại hình ảnh hai ông - vào những thời điểm khác nhau của Sài Gòn những năm bảy mươi - ngồi xích lô đến căn nhà số 38 đường Phạm Ngũ Lão Sài Gòn. Nơi đây là địa chỉ của ít nhất ba tờ báo. Toà soạn Văn nằm dưới nhà, còn tầng trên là toà soạn báo Tuổi Ngọc của Duyên Anh, và trên nữa là tạp chí Văn Đền của Vũ Khắc Khoan. Nơi hội tụ của ba tờ báo đó bao giờ cũng có những cuộc gặp gỡ không hẹn của những con người làm báo văn học.

Tôi không thân với Vũ Khắc Khoan, nhưng giữa ông và tôi có nhiều điều để nhớ. Trên Văn số tháng Mười 1986, tôi đã viết về một kỷ niệm với tác giả Thần Tháp Rùa sau những ngày 30 tháng Tư: *Một Hạt Bụi Của Vũ Trong Sài Gòn Đỏ*. Một lần nói chuyện với Vũ Thị Thơ, ái nữ của ông, tôi nhắc kỷ niệm khi gửi một truyện ngắn cho Văn Đền, truyện ngắn mà ông nhiều lần nhắc tôi khi bước vào toà soạn Văn trước khi lên toà soạn của Văn Đền ở tầng trên. Và, truyện ngắn đó của tôi sau khi có mặt trên Văn Đền đã trở thành "một vấn đề" cho tờ tạp chí do ông điều khiển.

Sau vụ đó ở quán Cái Chùa, Sài Gòn, nói chuyện với Thanh Tâm Tuyền về vở kịch Thành Cát Tư Hãn, anh nói lâu lắm rồi, anh đã viết một bài về vở kịch này. Rằng ông Khoan là một nhà văn thức tỉnh, quá thức tỉnh, khiến những vấn đề ông đặt ra trong tác phẩm được giải quyết một cách gần như dứt khoát. Không có chuyện mập mờ và tối tăm trong tác phẩm của ông. Nhân vật của ông đứng khựng lại trước biên giới của ý thức. Ông không cho phép chúng dò kiếm lời giải bằng cách mở ngõ tiềm thức. Đó là cá tính của nhà văn họ Vũ. ..." Thanh Tâm Tuyền cho biết "vở kịch có nhiều biến động của hoàn cảnh, nhưng nội giới các nhân vật vì bị nhốt trong ý thức chật hẹp không có những âm vang dữ dội thường thấy trong các bi kịch."

Giờ đây, một năm sau ngày Vũ Khắc Khoan mất, tháng Chín 1987, tạp chí Văn Học** trong số đặc biệt về Văn nghiệp Vũ Khắc Khoan đã cho đăng lại bài của Thanh Tâm Tuyền: *Nghĩ về Thành Cát Tư Hãn: Cái Cớ Của Vũ Khắc Khoan*, viết từ năm 1962. "Một tác phẩm bao giờ cũng là một nhận thức của tác giả trước sự vật. Nhận thức của tác giả có thể hợp với số ít hay đám đông, điều đó không quan hệ đến giá trị tác phẩm. Tôi nghĩ rằng giá trị của tác phẩm không ở chỗ thuyết phục được người đọc hay không. Khi viết tác phẩm, tác giả chỉ làm công việc trình bày nhận thức của mình và sự hiện diện tồn tại của tác phẩm tùy theo nó có là một sự kiện đặc sắc khiến người đọc phải dùng nó để đối chiếu kiểm điểm về mình hay không.... Không chỉ riêng tôi, bất cứ cái "tôi" nào, nếu có những quan niệm để đối chiếu, đều có thể khác biệt với Vũ Khắc Khoan. Nhưng, không phải vì thế mà không nhận Thành Cát Tư Hãn là một tác phẩm giá trị."

Nhắc đến Vũ Khắc Khoan, thi sĩ Viên Linh trong khi trả lời phỏng vấn của Văn Học trong số báo nói trên kể rằng: "Vũ Khắc Khoan lúc nào cũng lừng lững như một pho tượng. Trên sân khấu trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ, chỉ cho Trần Quang một động tác trước khi Thành Cát Tư Hãn kéo màn. Trong Đêm Mâu Hồng một giờ sáng, ngồi sau một mặt bàn tròn, gõ bàn mà ngâm Hồ Trường. Đi trên hành lang Phủ Quốc Vụ Khanh Văn Hoá, bước xuống quán nhậu Hải Biên, mái tóc chải ngược về phía sau, hai vai chắc nịch, cặp mắt mở lớn, dọi thẳng, bước đi vững chãi, anh có cái điệu bộ đi thẳng vào đám đông như biết đám đông sắp rã ra, để sau đó nhìn theo sau lưng anh mà ngưỡng mộ một tấm thân nam tử..."

Còn nhớ, tháng Mười, 1986, một tháng sau ngày Thần Tháp Rùa chia tay, tại ngôi chùa Việt Nam ở Los Angeles, chúng tôi tham dự lễ cầu siêu Vũ Khắc Khoan. Hôm đó có Mai Thảo, Phạm Đình Chương, Phạm Công Thiện, Đào Trung Đạo, Lê Trọng Nguyễn, Trúc Chi, Đỗ Ngọc Yến, Phạm Duy,... chúng tôi, mỗi người đều nhắc đến những kỷ niệm với tác giả Thành Cát Tư Hãn, ... Nhà văn Tuấn Huy đã kể lại cảm tưởng của anh: "...tôi đứng chiêm nghiệm khuôn mặt một người đàn ông có nước da màu mật ong loãng, có sóng mũi cao, có đôi mắt sáng, và có mái tóc màu cước trắng bồng bênh. Cái dáng người tầm thước, cái phong thái thanh thoát, cái giọng nói sang sảng đầy châm biếm mà cũng rất ngọt ngào... đang hiện ra lồng lộng trong trí nhớ tôi...tôi nghĩ đến cái chết và cái sống. Nghĩ đến những hội tụ và những chia lìa. Nghĩ đến cái đến và cái đi nhanh mau đột ngột của một đời người. Nghĩ đến Đình Hùng. Nghĩ đến Vũ Hoàng Chương. Nghĩ đến Nguyễn Mạnh Côn. Nghĩ đến Thanh Nam và nghĩ đến Vũ Khắc

Khoan...Tôi đang nhìn cuộc đời này. Và khoảnh khắc, tôi cảm nhận được tất cả chỉ là những phù du hư ảo của một kiếp người ngắn ngủi..."

Tuần qua, trong những ngày đầu Thu vẫn còn rây lại cái nóng chát của mùa Hè ở bắc California, tôi gọi Cung Tiến thăm hỏi tác giả *Thu Vàng* là xứ Vạn Hồ của bạn đã "lộng lẫy" nắng Thu chưa, và chúng tôi nhắc lại chuyện xưa, ngày Mai Thảo đến Minnesota tiễn đưa Vũ Khắc Khoan. Tôi nhắc Cung Tiến trong bài điệu văn anh đã đọc trước linh cửu họ Vũ. Và nhắc lại câu sau cùng trong một bài viết của Thầy Huyền Không: "Anh Vũ Khắc Khoan đã đi. Tôi muốn nói như người xưa, đi đây là **đi về** nghĩa là không phải **đi mất**. Như Thần Tháp Rùa đã yên ngủ mà vẫn còn dư ảnh dấu đây trong lòng người với sự tái tạo của một con người Vũ Khắc Khoan, nhà văn. Như Thành Cát Tư Hãn đã nằm xuống tự bao giờ mà vẫn còn đâu đó cái khí phách anh hùng đến riêng cõi cô đơn cũng chỉ với sự tái tạo của một con người: Vũ Khắc Khoan, kịch tác gia. Đến bây giờ, cái con người tái tạo cho những gì đã chết được sống đó lại cũng đã đi về."

Thế mà giờ đây nhắc lại ngày chia tay Thần Tháp Rùa cũng đã 24 năm.

Dài bằng thời gian tôi đặt chân lên đất Mỹ đến nay.

**Văn số 52, tháng 10, 1986.*

***Văn Học số 20, tháng 9, 1987*

Nhập Thiên Thai 1957

Tôi nhớ rồi. Anh không cần nhắc lại nữa. Anh không tin à? Các anh hình như chẳng bao giờ tin ai. Anh nói sao? Hà... không có gì lạ lắm. Anh tin tôi bây giờ chỉ vì anh biết là tôi không thể phản được anh. Anh tưởng tôi không hiểu. Tôi hiểu ngay từ cái phút nhận lời hát lên để anh cưa xong cái chần song sắt. Tôi biết là nếu muốn tố cáo anh thì tôi phải tố cáo ngay từ phút đó. Một phút sau khi cất tiếng hát, tôi đã là đồng lõa với anh rồi. Nếu bây giờ chuyện vỡ lở, anh vẫn có thể khai ngay tên tôi và tất cả anh em. Sao tôi không làm? Sao tôi không tố cáo anh? Bởi vì... bởi vì tại sao tôi lại tố cáo anh? Ở địa vị tôi chắc chắn là anh... Đừng chối! Tôi biết. Vì các anh là những người hiểu phép biện chứng. Các anh biết là các anh đang đi xuống và chính tôi, chính chúng tôi... Thôi, để lúc khác. Thế nào mà chúng ta chẳng gặp lại nhau?

Thế nào? Anh nhất định bắt tôi nhắc lại một lần nữa? Cũng được đi! Chúng ta còn nhiều thì giờ. Bây giờ chưa đến 6 giờ. Ở đây gần núi, sát rừng, nên đêm xuống mau. Thế này nhá: bao giờ trăng mọc thì tôi bắt đầu kể một câu chuyện. Tất cả anh em sẽ xúm lại nghe, ở đầu phòng đằng kia. Anh thì nằm sát ngay cửa sổ đằng này. Nó đứng gác phía cửa sổ đằng kia và sẽ luôn luôn nhìn thấy chúng tôi. Chúng tôi sẽ giả vờ say mê câu chuyện. Nó sẽ yên tâm mà không để ý tới anh... À, có đích cửa sổ này nhìn ra hướng Đông? Đúng chứ? Mặt trăng sẽ mọc phía này. Anh nằm sát chân tường, trong bóng tối. Ánh trăng chiếu rõ chúng tôi. Thế rồi, khi nào trăng lặn thì... Trăng lặn vào lúc mấy giờ nhỉ? Hôm nay mừng 5 ta. Trăng thượng tuần. Trăng lưỡi liềm. Chúng ta có đúng hai tiếng đồng hồ. Tôi phải kể một câu chuyện ít nhất là trong hai tiếng đồng hồ. Cũng may là lũ lính gác ở đây lại biết là tôi hay kể chuyện mua vui cho anh em. Anh cũng nhận thấy điều ấy? Chắc vì thế cho nên anh mới nghĩ ra cả cái kế hoạch này. Kế cũng may cho anh đấy, vì theo thường lệ ở mọi trại giam, khi đi ngủ, có bao giờ được phép tùm năm tùm ba đâu. Anh không biết à? Anh bị lần đầu? Tôi... thì... không phải lần đầu.

Lần này chính các anh đã giam tôi. Ở đây. Thế rồi Pháp nhảy dù. Và tôi vẫn tiếp tục bị giam. À... nó ngờ. Còn đợi lệnh Hà Nội, chắc thế.

Kể cũng may cho anh ta thật! Nhưng nghĩ kỹ, thì cũng buồn cho tôi. Anh muốn biết tại sao? Vì tôi vừa nhận thấy câu chuyện tôi sắp kể, đối với anh, sẽ chỉ có giá trị là một phương tiện trong một giai đoạn. Một cái dũa để dũa một chấn song. Không hơn không kém. Tính tôi lắm cảm, có phải không anh? Nhưng... tôi cho kể chuyện cũng là làm văn nghệ. Chủ quan? Thì người làm văn nghệ nào mà chẳng chủ quan? Thôi... chúng ta sắp lạc vào đất lý thuyết rồi. Điều quan trọng lúc này chính là phải tinh trí để mà thực hiện cho đúng kế hoạch. Phần việc của anh, tôi cũng nhớ. Anh phải leo qua cửa sổ. Chấn song cửa sổ, chỉ cần đẩy mạnh một chút thôi. Cửa sổ trông ra đường. Bên kia đường là rừng, nghĩa là tự do... theo cái nghĩa các anh.

Kèn! Chúng nó đi ăn. Ta lại phía cửa đằng kia. Nhìn chúng nó một chút. Ở đây, đó là một trò giải trí lành mạnh. Lắm lúc tôi tự hỏi giữa chúng nó và chúng ta, giữa thằng gác tù và thằng ở tù, không biết thằng nào tù hơn thằng nào!

Anh sắp thoát nơi đây. Anh sắp trở lại cái nơi mà nhân danh công việc xây dựng một Thiên đường cho Nhân loại, các anh đang thủ tiêu nửa phần Nhân loại. Giải phóng? Anh định ở ở đây? Ở phòng giam này, có tám tên tù thì bảy kẻ đã là tù cũ của các anh...

Chúng nó ăn cơm xong rồi. Thế thì trắng cũng sắp lên đó. Kể cũng tức cười. Thế là cả cái ông trắng, đối với các anh, cũng đang trở thành một thứ công cụ giai đoạn. Để chỉ một thứ thời giờ.

Đáng thương mà cũng đáng giận cho cái gã thi sĩ "rất ky đàn bà" của các anh. Chính gã có phen đã viết nổi:

Trắng vống rượu khiến đêm mờ chệnh choáng.

Vậy mà... hỡi ơi!...

Không hiểu trong cái Thiên đường lý tưởng của các anh, con người có còn biết ngấm trắng không nhỉ? Anh nói sao? No và ấm? Nhưng còn thiếu, anh ạ. Vì các anh không để ý đến cái mà những người như tôi muốn nuôi dưỡng. Cái mà các anh đã liệt vào loại kẻ thù số một, trên cả địa chủ, cường hào, thực dân, phong kiến. Cái mà vì nó làm chúng ta xứng danh là những con người. Con người với đúng nghĩa của nó. Nghĩa là con người toàn diện.

Một Thiên đường. Danh từ đẹp dễ thay, mà cũng quyền rũ thay! Anh đã đọc Anatole France chưa? Thế ra anh cũng đã đọc những loạt sách đó. Anh bạn trẻ ơi, anh có biết là tôi bắt đầu mền anh rồi không? Anh cho Anatole France hoài nghi và tiêu cực. Ý kiến của anh không làm tôi ngạc nhiên. Thật ra nhắc đến Anatole France chỉ vì nói đến Thiên đường. Chỉ vì Anatole France đã chán Thiên đường. Cũng như Từ Thức, cũng như Lưu Thành, Nguyễn Triệu đầu đời nhà Hán. Người thì chán, kẻ thì sợ, đến nỗi đã đến, đã ở, không chịu được mà phải trở về. Tại sao vậy? Một biểu tượng? Đồng ý với anh. Những biểu tượng đó ngụ cái ý gì? Anh thử nghĩ xem... Trắng vẫn chưa lên. Chúng ta còn có thì giờ...

Chúng có đổi phiên gác. Thằng này tôi biết. Một thứ lê dương kiểu mẫu. Người Đức? Không chắc đâu. Có lẽ chính hấn cũng đã quen. Từ vực thăm ký ức của cuộc sống lê hải hồi đó, một đôi lần, giữa hai ly rượu, hương vị của một chiếc bánh madeleine nào đó chắc cũng có gợi lên một thoáng xứ sở, kết tinh quanh một vết thương nội tâm lâu ngày đã lên sẹo, đầu mối của những cuộc phiêu lưu... Bonsoir, pote! On parlait justement de toi, et du Paradis aussi... Veux-tu y aller, au Paradis? Non? Pourquoi? Le coin est trop pépère pour teszigues? Ah...

Anh thử tưởng tượng một thứ người như thế kia mà sống ở một Thiên đường! Có mà loạn! Mà nhân loại này đâu có hiếm những mẫu người tương tự? Ấy là chưa kể biết bao nhiêu là mẫu người khác. Anh. Tôi. Và sáu người bạn kia. Mỗi người là một tâm sự. Mỗi người theo đuổi một kiếp, trong hằng hà sa số là kiếp con người.

Các anh đang khởi công xây dựng một Thiên đường trên cõi đất. Công tác vĩ đại nhưng thiên lệch vì kết quả chỉ có thể giải quyết những phiền trọc gây ra bởi cuộc sống xã hội bên ngoài. Mà tất nhiên là phải như thế. Giữa cuộc sống xã hội và cuộc sống nội tâm, những ai có hoài bão xây dựng Thiên đường đều phải chọn lựa. Thích Ca Mâu Ni, Christ... và bây giờ thì trái ngược lại, là Marx. Nhưng Thiên đường là gì?... Đối với tôi là một con người bình thường phải ăn, phải uống mà cũng yêu, ghét, thì Thiên đường chỉ là kết quả của một cố gắng phân cực trong cõi tư duy. Và như vậy thì Thiên đường cũng có nghĩa ngang với Địa ngục. Và hai thái cực của một thực tại đầy dẫy mâu thuẫn. Hai đầu tuyệt đối của một thứ dây mà con người là một tên hề múa may, làm xiếc ở trên. Mỗi bước tiến là một cố gắng bỏ sung nặng nề, ghi mọi thế quân bình tạm bợ, nhưng lại đòi hỏi những bước tiến sau. Tên hề dầu rợn chân đến mấy cũng vẫn phải tiến. Anh có thể tưởng tượng một thứ hề ung dung xuống tấn, giữ thế thủ ở một đầu dây?

Nói để làm gì? Để chờ trăng lên. Trăng sắp lên rồi. Anh nói sao? Biết rồi. Khổ lắm. Nói mãi! Ta bắt đầu thì vừa. Anh ra đằng kia. Thôi bày vẽ. Thế nào mà chả gặp lại nhau. Tôi chắc chắn như vậy. Sao? Anh bảo sao? Ờ, ý kiến hay đấy. Kể lại câu chuyện Nhập Thiên thai. Kể to à? Để làm gì? Anh cũng muốn nghe? Mà... anh nghe làm gì? Câu chuyện của tôi, đối với anh chỉ là một phương tiện. Anh nên tĩnh trí, nhìn trăng thì hơn. Trăng lặn thì... Thế cũng được. Anh muốn nghe thì nghe... Im.

Trăng lên...

Trăng buổi đó cũng không khác trăng đêm nay, bởi câu chuyện Nhập Thiên Thai bắt đầu vào một đêm thượng tuần, thuở nhà Hán vừa thu xong thiên hạ vào một mối, Lưu Bang xuống ngựa nghĩ kế an dân, trăm họ dần dần trở lại cuộc sống thanh bình thời vua Nghiêu, vua Thuấn.

Lúc bây giờ – trăng lười liềm vừa nhô lên khỏi ngọn cây tùng – tại một thôn nhỏ miền Tây Bắc Trung Hoa, nhà cỏ lác đác ven một dòng sông vắng, có người đánh cá họ Nguyễn tên Triệu cũng vừa neo thuyền vào bến, tay cấp rổ cá, lưng thưng men theo con đường dốc thoải về nhà.

Đến đầu ngõ, nhìn xuống rổ, Nguyễn chợt thấy ánh trăng loang loáng trên mình cá. Bèn ngẩng đầu nhìn trăng thì thấy trăng nhếch mép như đùa, như cợt, ánh trăng xao xuyên trong lòng. Cảm giác đó, Nguyễn đã từng thấy thoáng lên gờn gợn, một đôi khi dừng tay tung lưới, cô đơn giữa khoảng nước trời bát ngát. Không hẳn là khó chịu. Cũng không hẳn là vui. Như thừa một cái gì mấp mé trong tâm. Như thiếu một cái gì nhẹ nhàng dịu dịu. Nguyễn cúi đầu ngẫm nghĩ hồi lâu rồi không về nhà mà xăm xăm tiến thẳng tới nơi quán rượu đầu thôn, dừng ở một mom đất nhô hẳn ra sông.

Người chủ quán tên gọi Lưu Thần cùng một lứa tuổi với Nguyễn, vốn là người trọng nghĩa khinh tài, dựng quán bán rượu để mà uống rượu. Vì vậy cũng nổi tiếng là người khó tính. Khi gặp khách tục, dầu vàng xếp đầy bày, Lưu cũng chỉ dọn những hạng rượu thường. Còn những thứ rượu hoặc cất bằng trái mơ phủ sương buổi sớm, hoặc pha men gạo nếp tơi đúc tới bảy lần, hoặc phơn phớt màu hồng thơm như môi con gái dậy thì, tất phải gặp người tri kỷ Lưu mới chịu đem ra. Những lúc đó, thường thâu đêm đối ẩm cùng khách, lộ bày tâm sự, bàn chuyện cổ

kim, khách có trả tiền cũng không chịu lấy. Nguyễn là một trong đám người đó. Hai người còn lại giống nhau ở chỗ chưa lập gia đình. Vì thế đã thân, lại càng gắn chặt tình bằng, chuyện lớn, chuyện nhỏ, thường cũng nói với nhau.

Tới nơi quán đã đóng cửa, le lói ánh đèn lọt qua kẽ liếp. Nguyễn không lên tiếng, đẩy liếp mà vào. Lưu đặt bát xuống bàn, vỗ tay và reo lên:

"Đang ngắm trăng mà nghĩ tới bác. Đệ chắc bác có động tâm mà lại".

Nguyễn đặt rổ cá xuống đất mà rằng:

"Không hiểu tại trăng hay vì bác. Nhưng nhất định đêm nay không về nhà".

Rồi chỉ rổ cá mà nói tiếp:

"Đồ nhảm có đây, bác còn đợi gì mà không hóa kiếp cho lũ chúng sinh này?"

Lưu hô người nhà sửa soạn. Rồi lại tự mình đi tìm bát lớn đặt trước mặt Nguyễn, tự tay nâng vò mà rót đầy hai bát. Lúc bấy giờ, mặt trăng chênh chếch, ánh trăng lọt song loang loáng trên men rượu. Lòng bát ngậm trăng. Rượu chưa nhấp mà cả bát lẫn người, cùng gió nhẹ gợn sóng trên sông, tất cả đều đã chênh choáng. Hai người im lặng nâng bát rượu mà uống cạn. Rồi lại im lặng ngắm trăng cạn luôn bát nữa.

Đến bát thứ ba, Lưu nâng lên rồi đặt xuống. Chàng nhìn thẳng vào Nguyễn mà nói rằng:

"Đệ nghe nói tâm sự thường theo men mà bốc ra lời. Nỗi u sầu cũng vì thế mà vơi đi theo lời tâm sự. Đệ chắc bác có điều nghĩ ngợi. Nếu vẫn coi đệ là chỗ tâm giao, sao yên lặng mà không lên tiếng?"

Nguyễn thở dài mà rằng:

"Muốn nói nhưng lại thấy là thừa. Bởi vẫn câu chuyện cũ. Sợ nhảm tai bác chẳng?"

Lưu nghiêm nét mặt có vẻ không bằng lòng.

Nguyễn vội tiếp:

"Ít lâu nay, không hiểu sao, đệ lại thấy bản khoăn như những năm xưa. Đã tưởng ẩn mình trong chốn thô lậu, bỏ qua việc đời mà tiêu dao năm tháng cùng khói sông, sương núi, nhưng lòng riêng, riêng những hoang mang. Chiều nay, ngắm trăng mà tự thấy thẹn. Không cảm được lòng mà vẫn còn phân ngôi chủ khách. Mong manh là thân thể. Bền chặt là cái tự nhiên..."

Nguyễn dừng lời, nhận thấy bớt nỗi cô đơn trong niềm thắc mắc. Vì Lưu cũng đang cúi đầu suy nghĩ. Quán rượu mênh mang lặng lẽ. Lá rơi vài chiếc ngoài song. Sóng nhỏ vỗ bờ nhẹ nhẹ. Lưu nâng bát rượu uống cạn. Giọng chàng thủ thỉ cất lên:

"Bác đã nói, đệ đâu dám giấu? Thật tình cũng đang cảm thấy mất dần yên ổn trong lòng. Trước kia, có thể ngắm trăng mà quên thế sự, bình tĩnh ngâm thơ giữa buổi nhiều như sương... Nhưng gần đây, cái ồn ào phức tạp bên ngoài đã thấy chen lấn vào cuộc sống lặng lẽ bên trong. Cho nên, tuy không muốn mà bên cạnh tiếng lá, lời chim, vẫn còn nghe thấy người mua kẻ bán, cố giữ mà trong làn gió của sông, trong hương thơm của hoa ngoại nội, vẫn thấy thoảng mùi tục

luy nòng nòng. Nung nấu thâu đêm suốt sáng, nổi tâm sự thật cũng không ngờ lại có bác chia sẻ".

Nói đoạn, Lưu lại cạn thêm bát nữa.

Một lúc sau, Nguyễn mới nói:

"Bác nghĩ nhiều, chắc có cách!"

Lưu thủng thẳng mà rằng:

"Thế còn bác?"

"Thú thực thì cũng chưa biết làm gì. Xin cho nghe".

Lưu rằng:

"Tất là có cách. Chỉ sợ bác chưa quyết tâm thôi".

Nguyễn có vẻ giận:

"Bác ngờ đệ sao?"

Lưu cười:

"Không ngờ, nhưng cạn vò đã. Trăng sắp lặn rồi".

Vừa nói vừa bưng vò rót đầy bát. Hai người lại cùng nhau thù tạc, mặt trăng vừa lặn thì vò rượu cũng vừa kịp cạn. Trong thôn, trống điểm canh hai. Sao trên trời từng ngôi lóng lánh. Mặt sông mênh mang vắng lặng. Lúc bấy giờ Lưu mới lên tiếng:

"Đệ đã thức thâu đêm để nghĩ, tự canh một cho tới canh năm, đêm không phải là dài. Đòi những cũng vậy, mấy ai sống quá trăm năm? Vậy mà thiên ma, bách chiết, nhỏ mòi hôi lấy bát cơm ăn, có bao giờ được hoàn toàn thư thái? Tâm hồn thì như muốn mọc cánh hồng, cánh hộc để vươn về Đạo lớn mà những trò múa rối chung quanh lại ra mặt trở trêu cản trở, như đeo nặng thêm chì vào phần thể xác. Cuộc sống nơi đây, đệ đã thấy gây nhiều phiền trược. Vậy thì... trong ba mươi sáu cách, chỉ còn có một. Bác nghĩ sao?"

Nguyễn ngần ngừ chưa đáp, Lưu đã đứng lên, giọng hùng hồn thúc giục:

"Đêm nay không hẹn mà bác lại tới đây. Đó là cái duyên giữa chúng ta. Không lên đường ngay đêm nay, còn đợi đến bao giờ?"

Nguyễn đã hơi xiêu lòng:

"Nhưng còn việc nhà?"

Lưu cả cười mà rằng:

"Bác chưa lập gia đình mà đệ cũng chưa vợ chưa con. Cái quán rượu này đệ sẽ để cho tên bọn công nông. Việc nhà như thế đã gọn chưa?"

"Đi hướng nào?"

"Đệ nghe nói càng tiến sâu vào phía Tây, càng lắm chỗ hoang vu, càng lắm nơi cốt cách. Ta ngược dòng sông mà đi".

"Vậy thì xin hiến con thuyền làm phương tiện".

Lưu cười ngất:

"Lần này, quyết tìm ra nơi đắc ý. Chúng ta sẽ thoát khỏi vòng kiềm tỏa của người và việc. Chúng ta sẽ lập được thế quân bình cho..."

Những lời nói cuối cùng tan trong gió đêm. Sao Bắc Đẩu chênh chếch, con thuyền bập bênh ngược về phía Tây, giữa canh ba thì nhà cỏ trong thôn mờ dần trong sương bắt đầu phủ kín mặt nước, mờ dần trong tâm trí hai người bạn trai cưỡi sóng đi tìm đất sống.

Đất sống có nghĩa là Thiên đường. Ở trong câu chuyện, là Thiên thai. Lưu Nguyễn nhập Thiên thai. Thiên thai ở vào vùng nào nhỉ? Tôi cũng không biết. Mà cũng chẳng cần. Vì đây chỉ là một biểu tượng có một giá trị khá vững chắc, đối với thời gian và không gian, cho tới khi loài người ở mọi địa điểm trên thế giới thôi nuôi ảo mộng xây dựng Thiên đường trên cõi đất... Tôi không có ý nói cạnh ai đâu, kể cả anh nữa. Tôi chỉ kể lại một câu chuyện cũ.

Bịa à? Thì tất nhiên phải bịa. Bịa hiểu theo nghĩa văn nghệ. Mà tất nhiên là văn nghệ lại phải hiểu theo cái nghĩa của tôi, của chúng tôi. Văn nghệ là gì? Sao anh rắc rối thế? Tôi tưởng trong lúc này, anh nên để ý đến ánh trăng thì hơn, vì trăng lặn thì... Anh nhất định bắt tôi giảng giải hay sao? Giảng thì giảng.

Vậy thì văn nghệ bắt nguồn ở một mâu thuẫn và hướng tới một thế quân bình. Nghĩa là văn nghệ dựa vào một chuyện có thật để "bịa" ra một chuyện sắp xảy ra. Chuyện có thật, ở đây, là Lưu, Nguyễn nhập Thiên thai. Còn chuyện sẽ xảy ra thì thú thực là chính tác giả của nó là tôi, trong giờ phút này, cũng chưa biết "bịa" ra làm sao cho ổn...

Tôi tưởng không gì hơn là theo dõi hai anh chàng Lưu, Nguyễn lúc bấy giờ đang bập bênh trên dòng sông mỗi lúc nhỏ dần...

Dòng sông hẹp dần. Cho đến khi mạn thuyền sát bờ, thuyền không thể lách được nữa thì hai người buông mái chèo mà nhìn lên bờ. Lúc bấy giờ đang độ tiết hè mà cả hai người đều không thấy nóng. Mồ hôi tan ra thành hơi. Cả hai đứng dậy, người lằng lằng như chưa từng dùng sức chèo thuyền đã...

"Mấy hôm rồi, bác Nguyễn?"

"Hình như mới có một đêm".

"Bây chứ?"

"Vô lý, vì ta có dừng lại nơi nào đâu? Mà có ăn uống gì đâu?"

"Ờ, mà bây giờ cũng không thấy đói..."

Lưu nhẹ nhàng nhảy lên bờ. Nguyễn cũng nhảy theo. Cả hai đứng sững. Đào thắm, liễu xanh, hồng, lan, huệ, cúc, tường vi, thược dược, mẫu đơn, rồi tiếng con oanh, con yến, con sáo, tiếng con sơn ca, màu sắc, thanh âm, hình dáng, cả một khoảng giang sơn cẩm tú đẹp đến rợn người, mở rộng từng ngách đi, từng mạch nhỏ, từng khe thẳm, từng dòng suối li ti, đón chào Lưu, Nguyễn. Mỗi bước đi là một bản nhạc thành hình. Mỗi bước tiến sâu vào nội địa là một khám phá tân kỳ, huyền ảo. Cứ như thế, theo bước chân bờ ngõ của Lưu và Nguyễn, cảm giác giữ nguyên vẹn ở bậc lặng lặng.

Cứ như thế – thời gian ngưng đọng và ánh sáng đổi màu tùy theo cảnh trí – không biết đã được bao lâu, Lưu khẽ hỏi Nguyễn:

"Thế nào, bác?"

"Sao?"

"Ta làm gì bây giờ?"

"Biết làm gì? Bác có đói không?"

"Không... Còn bác?"

"Đệ không thấy cả khát".

"Có lẽ ta dừng lại, nghỉ ngơi..."

"Bác mệt sao mà cần nghỉ?"

"Áy, quen miệng thì nói, chứ có thấy gì đâu?"

Nhưng hai người cũng dừng lại bên một cối đào, quả chín phơn phớt lông tơ đỏ ửng như má người con gái đến tuổi cập kê. Nguyễn giơ tay với một quả, đưa lên miệng. Đào vừa chín tới, hương thơm phưng phức, ăn một miếng mà như nuốt cả trăm hoa vào bụng, gia dĩ lại vừa giòn, vừa ngọt, vừa dơn dớt chua, ăn một miếng lại thêm một miếng. Lưu cũng bắt chước Nguyễn. Và vội reo lên:

"Chà... ngon!"

Dứt lời, bỗng ở tận đâu đâu, nổi lên một khúc nhạc thiều, tiếng sênh lạnh lạnh, tiếng phách mưa rơi, tiếng tì, tiếng nguyệt nhật khoan, tiếng hồ u huyền, tiếng sáo, tiếng tiêu vắt vẻo. Thanh âm dịu dặt, ý nhạc là ý thanh bình, gọi đến cái cảnh thái hòa vua Nghiêu, vua Thuấn, có người Sào Phủ có người Hứa Do, có gã mục đồng chống gậy, đứng sững trên khoảng đồi cao, tâm hồn phơi phới trong một cơn mộng siêu hình.

Lưu, Nguyễn nhìn nhau chưa biết nói sao thì ở mỗi gốc cây, lùm lá, uyển chuyển nhón bước hiện ra một bầy thiếu nữ. Thế rồi những nét, những hình, mềm như tơ nồn, nhẹ tựa gió xuân, thanh âm, xiêm áo, trăm tía, nghìn hồng, tất cả nhịp nhàng hòa điệu trong một vũ khúc mà Lưu và Nguyễn đều nhận thấy chỉ có thể mệnh danh là một vũ khúc Nghệ Thường. Hai chàng đang còn ngẩn ngơ, ngơ ngẩn, bỗng nghe có tiếng người nói bên cạnh. Giật mình ngoảnh lại, lại bàng hoàng vì sắc đẹp của hai thiếu nữ khép nép cạnh một khóm mẫu đơn màu tía. Để ý đến lời nói thì mới nghe rõ giọng chiếc oanh thỏ thẻ:

"Phu nhân đang đợi hai chàng".

Nguyễn đánh bạo mà hỏi:

"Phu nhân là ai?"

Thì chỉ thấy, lộ hàm răng ngọc, má lúm đồng tiền mà không thấy trả lời.

Nguyễn gặng hỏi:

"Các cô tên gì?"

Cô áo hồng giục cô áo trắng. Cô áo trắng dịu dàng:

"Mai Nhi".

Cô áo hồng bấy giờ mới tiếp theo:

"Còn em, thì em là Đào Nhi".

Nói đoạn hai cô gái nhón bước đi trước, Lưu, Nguyễn thông thả theo chân, lần quanh những khóm mầu đơn cảnh Diêu chen đóa Ngụy, những dải phong lan thơm ngát, hoa Hạc đính sát với cánh Nhất điểm hồng, tới một tòa nhà kiến trúc tráng lệ, góc mái cong veo, thép vàng, dát bạc.

Có con chim khách vụt bay lên. Đào Nhi và Mai Nhi tránh ra hai bên. Lưu, Nguyễn bước lên thềm cẩm thạch. Cánh cửa sơn son thép vàng từ từ mở rộng.

Gian phòng trần thiết cực kỳ lộng lẫy. Những đồ bài trí trang hoàng nhất nhất đều là vật lạ mà cả Lưu lẫn Nguyễn đều chưa từng nhìn thấy. Cuối phòng là một cái giường thất bảo rủ rèm châu, hai bên có hai cái ghế bành bằng gỗ đàn hương.

Từ trong rèm, có tiếng đàn bà nói ra, giọng nghiêm mà ấm:

"Tính hiếu kỳ của hai chàng thế là đã mãn nguyện. Sự vui sướng trong một chuyến đi này cũng đã thỏa chí bình sinh. Âu cũng là cái duyên kỳ thiếu thú mà nơi đây lại được tiếp hai chàng. Xin mời ngồi".

Lưu và Nguyễn cúi đầu thi lễ rồi mỗi người ngồi xuống một cái ghế bành.

Lưu Thành dọn giọng rồi thưa:

"Chúng tôi là những người phàm. Nhưng một mái chèo quế, một lá thuyền nan, lòng thành muốn vượt cõi bụi để tìm một chỗ thoáng hơn thế sự. Thật không ngờ mà được tới đây. Song le lòng dục chưa gạn được trong, cảnh sắc được ngắm mà vẫn chấp mê, dám xin chỉ bảo rõ ràng cho được biết.

Người trong rèm như cười mà đáp:

"Có gì mà không rõ ràng?"

Nguyễn Triệu vội hỏi:

"Xin hỏi, phu nhân là ai, mà nơi đây là đâu?"

Ở trong rèm, như ngàn ngừ. Nhưng rồi cũng đáp:

"Nơi đây tạm gọi là Thiên thai. Còn tôi thì chỉ là người đến trước. Cũng như hai chàng. Vì sẽ có người đến sau hai chàng. Và lúc đó, nếu còn ở lại, thì hai chàng sẽ lại là những người đến trước..."

"Lúc nãy... có hai cô gái..."

"À... Mai Nhi!"

"Và Đào Nhi..."

Giọng trong rèm thoáng một chút e dè:

"Đã biết tên rồi kia ư?"

Rất nhiều câu hỏi dồn dập làm nghẹn lời Lưu và Nguyễn.

Nhưng chủ nhân như biết ý:

"Hai chàng ở xa mới đến, chắc cần nghỉ ngơi. Xin để Đào và Mai đưa về thư phòng yên nghỉ. Sẽ xin tái ngộ".

Hai người đứng dậy thi lễ trước rèm rồi trở lui theo hai cô gái. Đi quanh mấy dãy hành lang mây xanh bám ở lan can, hoa lạ nở đầy mặt đất, hai người được dẫn vào một gian phòng trang hoàng u nhã, đủ đồ văn phòng tứ bảo, trên giá kê sát tường xếp đầy sách lạ.

Hai cô gái cúi đầu chào đi ra.

Lúc bấy giờ, đêm xuống đã từ lâu. Trăng nở chênh vênh trên một góc mái cong veo.

Lần tái ngộ với chủ nhân là một đêm đại yến. Chủ nhân vẫn ngồi trong rèm tại gian phòng cũ. Lưu và Nguyễn lại được mời ngồi ở hai chiếc ghế bành. Nhưng, đèn lấp lánh đốt bằng mỡ phượng, đệm vẫn rồng xanh đỏ trải khắp gian phòng, nhạc tấu lên ở dãy hành lang, tiệc bày bằng mâm ngọc lưu ly, đĩa bằng chất san hô, các món sơn hào hải vị la liệt, rượu đủ màu đủ vị, hương thơm phưng phức, rót vào bát vàng đại đầu, dâng lên bởi những búp tay ngà, mỗi bát rượu là một khúc ca kèm theo một điệu múa, Lưu, Nguyễn tâm thần như thấy băng khuâng, khi say khi tỉnh, uống uống, ăn ăn, lắm lúc giơ tay véo đùi sợ đang mê ngủ, có khi ẩn mặt nhìn nhau rồi tủm tỉm cười.

Tiệc kéo dài từ canh một đến quá canh ba. Kịp đến lúc ngoài xa vắng lại tiếng con chim lạ rúc đủ ba hồi thì ở trong rèm, chủ nhân mới lên tiếng:

"Bây giờ thì xin nói chuyện với hai chàng".

Câu nói có mãnh lực như một mệnh lệnh. Trong giây lát, cả bàn tiệc, khúc ca, điệu múa, thầy đều bị hãi. Gian phòng yên lặng khác thường. Đèn bớt sáng. Ánh trăng lạnh lạnh hắt vào sáng

ngồi một chiếc bình pha-lê với rượu bỏ đảo bỏ quên lại trên một chiếc đôn sứ xanh lam. Lưu và Nguyễn thấy thấm dần vào người mỗi buồn tỉnh rượu lúc canh tàn.

Cả hai đồng thanh:

"Xin nghe".

Ở trong rèm như nghĩ ngợi rồi mới nói:

"Trước hết xin hỏi một điều. Hai chàng định giữ nguyên ngôi khách quý hay có ý vĩnh viễn ở lại an cư?"

Lưu nhìn Nguyễn, Nguyễn cũng nhìn Lưu. Cuối cùng Lưu nói:

"Chúng tôi lia bỏ nơi thô lậu, một đêm vượt sóng ra đi, thật không ngoài cái ý tìm một nơi thoát tục để di dưỡng tâm thần".

Nguyễn tiếp theo:

"Nếu chủ nhân rộng lượng mà không chê chúng tôi là những kẻ căn phàm thì xin cho nương nhờ cái khí tự nhiên nơi đây để hướng về Đạo lớn..."

Chủ nhân ngắt lời:

"Hai chàng tới đây là đã dày căn tu luyện. Tôi không hẹp bụng mà ngăn cản ý trở về nguồn. Nhưng nhập gia tất phải tùy tục. Chỉ e phong tục nơi đây đậm bạc không dung nổi hai chàng thôi!"

Lưu Thần sốt sắng:

"Xin cứ nói cho nghe".

Nguyễn cũng vội vã mà rằng:

"Chúng tôi một đi là muốn tới. Nay tới, chẳng có lẽ lại về?"

Giọng chủ nhân vẫn bình tĩnh:

"Vậy thì xin hết lời" – chủ nhân ngừng lại trong giây lát rồi lại nói tiếp – "Số là Trời Đất mở ra tất phải phân phân hóa hóa. Cái lẽ âm dương tương sinh tương khắc ở đấy mà ra. Con người cũng như vạn vật cũng đều phải theo cái lẽ đó mà sinh sôi nảy nở. Nhưng thỉnh thoảng đến chỗ cùng cực của tang thương biến đổi thì tinh tâm, thành ý, con người lại nuôi cái ý muốn trở về nguồn. Lớn rồi đi, đi rồi xa, xa rồi trở về. Nói như thế không biết có đạt được ý không?"

Lưu, Nguyễn vâng vâng dạ dạ, chủ nhân lại tiếp:

"Cái ý muốn trở về nguồn đó, hàng ngàn thế kỷ qua đi, lại kết tinh thành cái khí thiêng liêng chung đúc ở một vài khoảng giang sơn trong vũ trụ. Non nước nơi đây là một".

"Thế ra kẻ hèn này đã đạt tới nguồn. Thảo nào, hoa hoa, lá lá..."

Chủ nhân chậm rãi cất lời:

"Nguồn tất phải đẹp. Vì nguồn là Tuyệt Đối. Cho nên con người từ phân hóa sinh thành, mấy ai mà quên hẳn được nguồn?"

Đến đây chủ nhân ngừng nói, để yên lặng kéo dài trong giây lát, vừa đủ cho lời nói của mình kịp thấm vào trí não hai người nghe chuyện. Lúc bấy giờ Lưu và Nguyễn đã tỉnh hẳn cơn men. Cả hai đang sửa soạn thần trí để bước những bước đầu tiên trong cõi Tuyệt Đối. Khi cảm thấy đã đến lúc nói tiếp, giọng chủ nhân trong rèm mới lại cất lên:

"Nguồn là Tuyệt Đối, cho nên phân cực cũng rất rõ ràng. Có nơi toàn thể thuộc dương. Và cũng có nơi, như nơi đây, lại hoàn toàn là một nguồn âm cực. Từ cây cỏ, muôn hoa, từ vạn vật đến loài người thầy đều thuộc về âm tính. Không biết hai chàng có nhận thấy điều đó?"

Bước đầu tiên vào nội địa cõi Tuyệt Đối đã là một bước ngưng ngừng. Lưu và Nguyễn vừa ý thức được cái thế khó xử của mình: cái thế của một người đàn ông sống giữa một thế giới đàn bà.

Chủ nhân nói tiếp:

"Tôi hiểu hai chàng hiện đang lúng túng. Đặt cái mâu thuẫn trong cái đơn thuần, lồng cái Tương Đối vào khuôn Tuyệt Đối. Kể cũng khó thay! Nhưng..."

"Nhưng... đây là nguồn" – Nguyễn nghĩ thầm như vậy – "Từ đặt chân vào nguồn, mình đã thấy hết bận rộn cuộc đời ngoại giới. Cuộc sống nội tâm đã bắt đầu cởi mở. Lẽ nào lại bỏ mà về?"

Lưu cũng cúi đầu suy nghĩ. Chàng nghĩ rằng:

"Ta đã sống từ lâu như người xử sĩ. Chẳng lẽ không cảm nỗi lòng trước đám phụ nhân hay sao?"

Chủ nhân như đọc được ý nghĩ của hai người:

"Hai chàng nghĩ lung là phải. Vì thật tình chỉ sợ cho hai chàng. Còn đám người nhà thì đã có gia pháp. Tôi tin họ không thể sai đường".

Lúc bấy giờ cả Lưu lẫn Nguyễn đều đã quyết định. Hai người đồng thanh:

"Chúng tôi đã quyết một lòng. Xin chủ nhân dạy cho gia pháp".

Chủ nhân rằng:

"Trời đất sinh ra, âm dương đối diện tất sinh tình. Vậy chỉ xin diệt hẳn chữ tình".

Hai người đồng thanh:

"Tưởng gì... nếu chỉ có một điều đó..."

Nhưng bị ngắt lời:

"Chúng tôi là căn tuyệt đối, giữ trọn âm tính là một điều dễ. Nhưng hai chàng dầu sao cũng còn mang nặng cái nghiệp tương đối. Vì thế mà khó chán ngự nổi tình. Việc nếu xảy ra, tôi sẽ phải

làm tròn nhiệm vụ bảo tồn sông núi nơi đây. Đến lúc đó dù muốn, cũng không dung nổi hai chàng. Vậy xin nói trước để hai chàng tiện bề quyết định".

Chủ nhân ngưng lời. Ánh trăng mờ dần trong yên lặng. Gian phòng mênh mang lạnh lẽo. Ở đằng xa, tít đằng xa, tiếng một con vượn cái hú dài...

"Thế nào, xin cho biết ý định?"

"Chúng tôi đã quyết. Xin tùy chủ nhân định đoạt".

Thế là Lưu, Nguyễn đã nhập Thiên thai. Cũng giống như anh, cách đây chắc không lâu, khi đứng trước một lá cờ và hai người giới thiệu, anh long trọng hứa giữ trọn "gia pháp" của cái thứ Thiên thai của anh. Không thể so sánh được à? Tại sao không? Cái tâm trạng của Lưu và Nguyễn khi lên đường tìm về Tuyệt Đối với cái tâm trạng của một thanh niên hào hiệp khát khao hành động theo một lý tưởng...

Anh đã lựa chọn. Giữa hai thái cực, sự lựa chọn của anh tất thiên về một phía. Cũng như Lưu và Nguyễn đã quên mất căn tương đối của kiếp người mà tìm nguồn Tuyệt Đối, thì giữa cái thế gọng kim tư bản - vô sản, anh cũng đã quên hẳn cái thế của chính anh, của tất cả những người như anh, như tôi, cái thế của chúng ta. Nghĩa là cái thế của những con người tuy không tư bản nhưng nhất định không là vô sản.

Anh đã nhập Thiên thai. Thật cũng may mà anh bị bắt. Nếu không, thì chính anh, một ngày kia, anh cũng phải bắt buộc dời bỏ cái Thiên thai của anh. Ê đừng cầu! Người ta nói chuyện tử tế. Sử sách còn ghi lại đó. Từ Thức đã bỏ Thiên thai. Và Lưu, Nguyễn tất nhiên cũng thế. Tại sao? Nhớ nhà? Anh ngây thơ quá. Một người như Lưu và Nguyễn không bao giờ vì cái cơ nhỏ nhen nhớ nhà mà dời bỏ cái nơi mà cả hai đã hy sinh tất cả cái hiện hữu để mà đạt tới. Tại sao? Theo tôi thì không ở lại, chỉ vì không thể ở lại. Chỉ vì thấy Thiên thai không phải là chỗ của mình.

Anh còn nhớ lời chủ nhân cõi Thiên thai? "Âm dương đối diện tất sinh tình. Vậy chỉ xin diệt hẳn chữ tình".

Vậy mà Lưu Thân, Nguyễn Triệu lại chỉ là những con người...

Chủ nhân? Chủ nhân chỉ là giọng nói. Anh đoán đúng. Mai Nhi và Đào Nhi.

Nhưng trăng sắp lặn. Nếu anh muốn nghe hết câu chuyện thì phải để cho tôi tiếp tục. Anh nói sao? Anh phải nghe hết câu chuyện. Vậy tôi xin nói tiếp.

Những ngày đầu sống ở Thiên thai là những ngày đầy hạnh phúc. Nội tâm của Lưu và Nguyễn thôi bị ràng buộc, dần dần trở nên thanh thoát. Lắm lúc tưởng như an tọa trên đầu ngọn lốc mà vút lên tới thượng tầng tinh khí. Trong những giây phút đó, hai chàng cảm thấy như được sống, đồng thời, hàng vạn kiếp sống khác nhau. Hoặc chìm sâu xuống đáy trùng dương mà đùa với cá kình, cá ngược; vượn hẳn lên cao mà bay lượn với chiếc đại bàng; lao mình trên con xích thố; hay lang lang cùng chòm cây thông vi vút đầu mỏm đá Côn Lôn...

Nhưng một buổi bình minh, ánh mặt trời hoe vàng trên nội cỏ màu ngọc thạch, cạnh một gốc thụ dương là ngọn, Lưu và Nguyễn bỗng bắt gặp Mai Nhi đang nô giỡn với Đào Nhi.

Lần đầu gặp gỡ, tuy khen thắm sắc đẹp của hai cô gái, nhưng cả hai chàng đều không thấy

mảy may rung động. Lần này gặp lại lần thứ nhì mà không hiểu tại sao cả Lưu lẫn Nguyễn đều cảm thấy lúng túng. Cứ đứng sững mà nhìn, quên cả cúi đầu thi lễ. Một phút định được thần thì Mai đã kéo tay Đào đi nhanh về phía rừng tùng.

Cả ngày hôm ấy, họ Lưu không nói một lời. Còn Nguyễn Triệu thì ngồi yên một chỗ. Cứ như thế, trong suốt ba hôm. Đến hôm thứ tư, thì không ai rủ ai, con sơn ca vừa bay lên khỏi ngọn cây phong, hai chàng đã sấm nắm đi ra chỗ cũ. Và cũng bắt gặp Mai, Đào. Lần này đã có định ý, hai chàng tiến lên cúi đầu thi lễ. Mai, Đào ung dung đáp lại, thần sắc không thấy đổi thay. Thế rồi Nguyễn nhìn Mai, Lưu ngắm Đào, hai người đàn ông thấy ghen thờ mà không thốt ra lời. Hai cô gái lại càng đĩnh đạc, dịu dàng, phong thái rất mực hồn nhiên. Đánh bạo, Nguyễn bèn rủ Mai đi ngắm phong lan. Mai tỏ vẻ nhận lời, hai người sóng bước mà đi, khuất sau cụm tường vi. Lúc bấy giờ, Lưu Thần bàng hoàng nhìn quanh bốn phía.

Trước mặt chàng chỉ còn có Đào Nhi...

Một đôi bạch yến từ đâu bay lại đậu trĩu cành thùy dương. Trong yên lặng, tiếng một con oanh vàng cất lên lanh lảnh.

Trên nền trời xanh thẳm, một đám mây trắng nõn như bông, trôi qua như một giấc mơ.

Và cũng như trong một giấc mơ, Lưu và Nguyễn không màng tới thời gian vùn chuyễn. Bóng cây thùy dương từ từ chuốt dài trên nệm cỏ. Ánh chiều rớt lại đó đây, trên những lùm cây, trên những chòm lá đang mờ dần trong sương chiều dâng lên từ đồng nội xa xa. Từng cơn gió nổi lên nhẹ nhẹ. Nền trời nhẹ nhẹ sẫm màu. Sông Ngân Hà bắt đầu lia nguồn, gợn lên từng đợt sóng sao lấp loáng.

Ngưu Lang và Chức Nữ.

"Làm sao xây nổi được một nhịp cầu Ô thước?"

Cả Lưu lẫn Nguyễn đều nghĩ như vậy. Hai người như đọc thắm được nỗi cô quạnh của mình qua ánh mắt của người đối diện. Người đối diện là Mai và Đào.

Lưu, Nguyễn nheo mắt nhớ lại buổi sáng, khi thừa dịp con sơn ca vừa im tiếng hót, hai chàng thồn thức nhẹ kêu:

"Yêu..."

Thì không một lời đáp lại. Không cả một thoáng chớp hàng mi. Tuy búp tay ngà của hai cô gái vẫn nằm gọn trong lòng bàn tay gân guốc của hai chàng. Tuy vẫn dịu dàng uyển chuyển. Tuy vẫn nói nói cười cười.

Mai Nhi, Đào Nhi không phải là người, không phải là người.

Vì Mai và Đào không biết yêu. Không ai ở Thiên thai biết yêu cả. Ở Thiên thai thì phải diệt tình. Vì lẽ tồn tại của cõi Thiên thai.

Mai Nhi, Đào Nhi chỉ là hai pho tượng sống.

Anh nói gì? Thế nào là người à? Anh hỏi, khó trả lời đấy. Tuy nhiên đặt nỗi vấn đề cũng đã là giải quyết một phần vấn đề. Anh đã thắc mắc về con người. Thế là đủ. Vì niềm thắc mắc đó tổ

cáo, ngay trong anh, có hiện hữu một cuộc sống khác hời hợt bên ngoài.

Nhưng cuộc sống nội tâm đó, các anh đã dùng đủ mọi phương tiện để thủ tiêu, cũng như người con gái Thiên thai đã diệt hẳn tình.

Các anh... Anh nói sao? Anh không muốn tôi dùng chữ "các anh"? Vậy thì dùng chữ gì? Hay ta dùng chữ "họ"? Sao?

Kết luận? Rất ngắn, anh ạ. Vả chẳng cũng sắp đến giờ...

Tảng sáng hôm sau, khi gió sớm vừa nổi, sao mờ dần trên trời bàng bạc, thì Lưu và Nguyễn đã vội giã lên cỏ còn ẩm hơi sương mà tiến nhanh về phía bờ sông. Chiếc thuyền câu vẫn neo nguyên vị, đôi mái chèo song song đợi chờ.

Nguyễn nhìn Lưu:

"Nửa năm!"

Đoạn, cả hai yên lặng xuống thuyền.

Mái chèo vừa đụng mặt nước thì đôi bờ hoa lá bỗng mờ trong sương buổi sớm. Dòng sông mở rộng thênh thênh, con thuyền xuôi nước về phía đại dương xa tắp.

Đến khi mờ hôi nhỏ giọt đầu tiên trên trán, Lưu và Nguyễn mới nhớ ra chưa kịp từ biệt chủ nhân.

Ngoảnh lại, chỉ thấy một màu trắng xóa. Sương trần gian đã lấp lối về nguồn.

Thế là hết câu chuyện Nhập Thiên thai. Mặt trăng cũng vừa kịp lặn. Như một tấn kịch hạ màn. Và bây giờ thì...

Sao thế này? Anh không... Anh... Sao?

Tôi không hiểu. Anh muốn... không? Anh không vượt... Anh muốn nói gì? Tôi quên mất đoạn cuối à? Nhưng... Nhất định? Còn các anh, đồng ý chứ? Vâng, thôi thế tùy anh. Tôi xin đóng vai thánh giả. Tôi thật không ngờ. Thú quá. Anh bắt đầu đi.

Khi thuyền của Lưu và Nguyễn cập bến, thì mặt trời lại mọc. Hai người vội bước lên bờ. Rồi ngạc nhiên đứng sững. Vì cảnh nơi ven sông thấy đã đều thay đổi. Nhà cửa san sát như bát úp, chợ họp trên bến dưới sông, người đi kẻ lại đông như nước chảy. Hai người lần theo đường cũ tìm về quán rượu. Nhưng quán rượu không còn. Trên nền cũ không hiểu ai đã dựng lên một ngôi trường học, tiếng trẻ học bài vang khỏi cánh song.

Bèn đem tên họ hỏi thăm những người già cả thì có ông cụ già râu tóc bạc phơ nghĩ ngợi hồi lâu rồi mới nói:

"Thuở bé, tôi nghe ông cụ bảy đời nhà tôi có quen một người họ Nguyễn một đêm bỏ nghề đánh cá cùng người họ Lưu, ngược dòng sông mà đi vào núi tu tiên. Đến nay đã được hơn 600 năm".

Nói đoạn ông cụ già hấp tấp chống gậy bỏ đi. Vì cả Lưu và Nguyễn đang ôm mặt khóc. Khóc

chán lại thét lên cười. Cười cười khóc khóc suốt một ngày, rồi bỏ xuống thuyền đi mất.

Cũng không ai rõ đi về phía nào.

Nhưng nhất định không quay lại chốn cũ Thiên thai. Và đến đây mới thật chấm dứt câu chuyện Nhập Thiên thai của anh.

Nhưng lại bắt đầu một câu chuyện khác: Chuyện của tôi. Vì tôi không "Nhập Thiên thai" nữa. Tôi ở lại. Tại sao? Bây giờ thì đến lượt anh chất vấn. Tại sao? Vì tôi không muốn thành diên như Lưu và Nguyễn. Tôi không muốn vắng mặt những 600 năm. Tôi muốn kịp thời có mặt ở mọi khúc quanh của dòng tiến hóa. Và nhất là vì... tôi cũng muốn yêu... Vì tôi là một con người. Con người toàn diện, như anh thường nói.

Tôi nhất định rồi. Anh gọi họ tôi tên Lê dương. Để làm gì à? Để sửa lại cái chán song.

Cho nó chắc chắn.

Trong khi chờ đợi.



Nhìn lại thế giới Vũ Khắc Khoan Mai Thảo

Những người du khách Mỹ hồng hào no ấm, y phục xù lạnh dày nặng sặc sỡ đi về thường từ mười năm nay ở phi trường Minneapolis, tiểu bang Minnesota, lâu lâu một lần, lại nhìn thấy đơn độc khác lạ giữa họ một cặp vợ chồng Á Châu, như họ, cũng tới phi trường đợi chờ một giờ máy bay cất cánh.

Cặp vợ chồng đó, sau mỗi mùa đông Minnesota, càng đi thêm vào cái phong thái lão, hạc tách thoát trong suốt là khởi sự của tuổi già. Tuy người chồng vạm vỡ lùn thấp và người vợ mảnh mai cao gầy, đi đứng vẫn nhanh nhẹn vững thẳng giữa cái suối người Tây Phương ào ạt ở chung quanh.

Họ cùng tiến vào một phòng đợi tường gương sáng láng nhìn xuống một phi đạo Đông Bắc dài vút giữa cái địa hình thủy mạc kỳ ảo diễm lệ của Vạn Hồ. Nhìn cặp vợ chồng gốc gác từ xa thăm Đông Phương huyền bí này giữa một phi trường Mỹ sánh vai nhau cùng ngồi xuống ghế ở một góc đời riêng, như họ chỉ có thể ở cạnh nhau suốt một đời như vậy, mọi người có thể đặt ra nhiều giả thuyết. Từ những giả thuyết bình thường nhất đến những giả thuyết khác thường nhất. Về thân thế họ. Về nguồn gốc họ. Cả chuyến bay họ đang đợi chờ một cách vừa hết sức ung dung vừa vô cùng nhẫn nại, để bay lên. Về lấm liệt rất thái cực đạo của người chồng nước da đồng hun và mái tóc trắng tuyết (hồi còn trẻ: tao chỉ đánh một cái thăng ấy

chết) hợp đồng với vẻ âm u nhợt nhạt của người bạn đời , suy nghĩ - chỉ cần thêm một giọt tưởng tượng của võ hiệp Kim Dung . - đến một cặp lão trượng hiền lành ngồi kia nhưng dấu kín võ công cao cường vô tả , đến tuổi gác kiếm quy ẩn rồi mà vẫn phải dùng phản lực Mỹ , bởi một mối đại thù ở xa giải quyết chưa xong . Rồi thấy họ trao quyết trao thuốc cho nhau cùng đốt cùng phi phèo hút , lại có thể nghĩ họ là cặp vợ chồng đông y Phúc Kiến , tới địa phương để kiếm tìm một thần dược mọc giữa đám kỷ hoa di thảo trùng điệp của Vạn Hồ .
Và chuyển đi. Họ đi đâu? Xuống sa mạc phương Nam tầm thù ? Lưu lạc đã một đời , nay trên đường quy hồi cố hương , ở một điểm nào đó của Á Châu xa thăm , mặc áo vải , đi giày cỏ , gặp lại giòng sông xưa , thêm nhà cũ , xóm giềng và con cháu sau bao năm xa cách , sống an nhàn phần đời còn lại dưới vòm trời từ tuổi trẻ ra đi ?

Giả thuyết cả mà thôi . Giả thuyết như cuộc đời . Giả thuyết như văn chương . Giả thuyết như ở kịch . Cũng vậy , hình hài và tướng mạo người . Cặp vợ chồng ấy không song thủ cùng phát , không đứng trước một tầm thù nào . Quê quán họ ở Á Châu , đúng vậy , nhưng đường về đất nước đứt đoạn và nghìn trùng cách biệt , dấu chân thất quốc trôi dạt chưa biết ngày nào trở lại được với bến bờ quê cũ . Đó là một cặp vợ chồng nhà văn . Một cặp vợ chồng nhà văn Việt Nam tỵ nạn , từ bảy mùa tuyết , đã định cư yên ổn ở Vạn Hồ . Cặp vợ chồng đó phải lưu vong , vì văn chương tự do và có thái độ nơi xứ sở họ , cũng như trên toàn thế giới , toàn nhân loại , tự cổ chí kim bao giờ cũng là văn chương có kẻ thù . Và người chồng thân thể ở giữa một bàn viết như một ánh lửa tiền trường và một tấm bảng đen, còn là người thầy dạy học danh tiếng của cả một thế hệ tuổi trẻ yêu thích văn chương như thầy , cũng đã sống với cách mạng , chiến tranh và đổi đời trên một đất nước hoa gấm nhàu nát tan vỡ cuối cùng đều phải ra đi , mà một trò cũ bây giờ là một nhà văn nữ có bài viết cảm động về những giờ học cũ của thầy là nhà văn Lê Thị Huệ . Nói thêm cho những người Mỹ ở phi trường kia đang nhìn ngó ông già Á Châu phục sức đơn giản dỏm dáng đó là một Jouvet của Việt Nam có truyền thống hát bội và tuồng chèo tuyệt vời độc đáo . Đó là Vũ , người xưng "Khoan tôi" trong truyện kể cho đời, sáng chế ra thể tùy bút lộng ngôn, người chủ tịch Hội Phật Giáo và Hội Văn Hoá ở tiểu bang các người vừa từ nhiệm. Và đừng "vấn đề" nếu thường gặp Khoan-tôi cùng các người đời giờ cất cánh . Á Châu đó đã đi , đi cũng khùng khiếp lắm . Triệu triệu người đi . Cả đất nước đi . Cái trái đất chẳng đang chấn động tiếng chân Việt Nam trên mọi nẻo đường ? Vũ đọc đã đi nhất . Người trưởng nữ là nhân viên một hãng hàng không lớn . Ông bố nhà văn tưới cỏ trồng hồng nhà rồi được hưởng giá vé người nhà đặc biệt , nên từ bấy năm đã là một trong những người bay nhiều nhất ở Hoa Kỳ .

Mỗi lần Vũ Khắc Khoan từ 9441 Blaisdell Ave, South Bloomington , Minnesota điện thoại cho bọn chúng tôi , trước nhất thường cho Hoài Bắc : "Ngày ấy , tao xuống đó " . Bọn chúng tôi đều nhìn nhau cười : " Chắc tuyệt nó phủ chho gần chết rồi . Xuống thì xuống làm như đi kinh lý " . Nói vậy , chúng tôi vẫn sửa soạn đón Vũ . Bởi có Vũ là thức đêm , có sinh hoạt , có Jack Daniels khai vị mạnh mẽ buổi chiều , có Hennessy đậm đà buổi tối , có Hồ Trường thẩm thiết phần uất rớt về Đông Phương , rớt về Tây PHương , và từ giọt lệ lã ra nơi câu thơ bồn tẩu thất quốc , đến cái tấm rượu hợp bạn sử lên một nền trời lữ thứ , chúng tôi có Vũ , đã cùng nhau sống lại được rất nhiều điều . Những điều đã xa . Những điều đã mất . Anatole France: "Au milieu du chemin de la vie ... Những điều ở một cuối đường cùng nhau nhìn lại , vừa như một ngậm ngùi vừa như một băng khuâng vô tả , những điều còn như hơi thở , còn như da thịt mà lung linh hình bóng , sương phủ mêng mêng , mưa đổ nhạt nhòa , ở đó mỗi chúng tôi là hình ảnh một người đi qua , cổ áo kéo , lã vào bóng tối .
Gặp Vũ , chúng tôi cũng thấy lại được cho bạn con người ngày trước , trên cái nền văn vũ chuyển động của những biến động thời thế là lịch sử dồn dập kéo chạy như như những đôi cảnh nhậm lẹ của của một điều lạ lùng là Vũ tuy chẳng tham dự vào hết thầy lại như gắn liền thân thể vào những biến động ấy ... Chẳng tham dự hết . Nhưng đã sống bằng một tâm thức nhà văn thẩm thiết gắn chặt . Và đã viết ra từng khúc , từng đoạn có như dĩ vãng chỉ có ở Vũ

những điều muốn nhớ , muốn thấy và trước hết là những con người. Con người trên đơn vị cá nhân, đơn vị thân thiết khác thường đặc biệt , con người của một định mệnh khốc liệt trong đơn độc tận cùng , bởi vì trong nhận thức Vũ , những con người làm nên lịch sử thời thế đều là những con người nghệ sĩ. Thành Cát Tư Hãn cũng là một nghệ sĩ . cỡi văn , cỡi kịch Vũ Khắc Khoan là gì nếu không là một hành lang chân dung nghệ sĩ nhiều thời trên từng địa hạt của tâm hồn và hành động . Đó là Lý Đông A , Trần tử Anh , Đề Thám trong huyền thoại . Nhất Linh trong thân thế , người bạn chí thân Lê Quang Luật. Đó là anh Trương Chi trên giòng sông của giai tầng ở giữa gã Tú Uyên trong tác phẩm biến tướng , Lưu Nguyễn sau trở về , anh Trời trong Ngộ Nhận .Thấy là những thế sống , những thế sống không tưởng tượng được . Thấy là những thành tựu , vì cái thế sống không thể tưởng tượng được, dầu chung cuộc chỉ là " đốt tranh" là cát bụi , là hư không .

Gặp lại Vũ , trước lò sưởi những tối khuya Minnesota trắng tuyết , mười ngàn phiến Động Đình Hồ đoán thấy đông lạnh dưới không độ tối đặc , hoặc ngoài một hàng hiên chiều của California tươi nắng , một lũ chúng tôi mà Vũ gọi một cách sắp chết là "đám cụ bạn vàng lác đác" mà Vũ hiểu là " giới nghiêm cũng mặc , hẻm nào cũng vô " , đã thật sự tạo lại được một không khí tếu nghịch , đơn giản người nào cũng yêu thích lắm lắm . Vui nhất là thiền sư Nghiêm Xuân Hồng . Và người xưng Khoan tôi trong truyện kể cho đời lại rủ chúng tôi về với hắn . Như một bài Lưu Nguyễn nghịch ngợm .

Trở về Hà Nội trở về Sài gòn . Trở về những mảnh tôi xưa . Trở về những phiến ta trước . Hồ Tây dưới trăng vàng . Thiếu thời ấy là một Tây Hồ lồng lộng . Thu Thủy công trường thiên nhất sắc . Cổ Ngư đêm mùa hè . Trúc Bạch màu cốm đậm . Cái tên học trò ngổ ngược , toéi ngày đập lộn của trường tiểu học Sinh Từ (Ngay từ đó đã : tao đánh thằng đó một cái chết) . Đêm kịch Nhà Hát Lớn , nửa đêm truyền hịch đọi ngày viễn chinh . Đoàn kịch đầu tay Trường Ca Mông Cổ , bản viết làm nền cho sau này Thành Cát Tư Hãn . Chiếc xe đạp ì ạch trên dốc Hàng Than , trên đó Vũ trẻ măng ngót 40 năm xưa t'oi chạm mặt lần đầu . Và những nơi chốn : cái ngõ Hàng Bạc , đêm đêm Vũ Trọng Phụng , Trương Tư đi ra , cái tiệm phở Trường Ca , tầng sáng nào cũng Đoàn Phú Tứ , Nguyễn Tuân mò tới . Và nhi+~ng ảnh hình muông thú của Hà Nội chưa tiêu tụy đồ : Ánh lửa khuya dưới vòm Ô Quan Chưởng , con đường Quan Thánh và những chuyến xe điện thời sinh viên Vũ Khắc Khoan ở đó , những tà áo thiếu nữ Hàng Ngang , Hàng Đào , cái núi rác sau chợ Đồng Xuân , màu đỏ ké cây cầu Thế Húc . Và những tiếng động : gió Hồng Hà mùa nước lũ , tiếng còi tàu Long Biên , bom Nhật trên Gia Lâm , đạn lạc ở Phố Huế , chiến xa Pháp kéo về Hải Phòng , lựu đạn nổ trước trụ sở Quốc Dân Đảng , tiếng tỳ bà Ngã Tư Sở diu hiu lau lách , tiếng phách Khâm Thiên .

Rồi Saigon . Tây Hồ bỏ lại , Trúc Bạch chia tay, trường Đại Học "cửa đóng thêm rêu, lớp nhớ nhung", Điện Biên Phủ bàng hoàng, những chiếc tàu há mồm của di cư một triệu .

Chúng tôi cùng vào Nam và với Vũ làm tờ Tự Do , diễn đàn đầu tiên của Bắc Hà mới tới , Như Phong, Mặc Thu, bây giờ mới bị cầm tù ở quê nhà , Đình Hùng đã mất . Nhóm Quan Điểm thành hình trên đất đứng của trí thức giai tầng ở giữa, bích chương dính đầy các thân cây quận Nhất : tờ báo dám nói sự thật, số ra mắt quá khích đòi mỗi tuần chặt một đầu người . Chúng tôi chia thành hai nhóm . Sáng Tạo riều Quan Điểm đám con quan đòi làm cách mạng đổi thay thế giới . Quan Điểm cột Sáng Tạo , lũ trẻ ngông cuồng, mỗi thằng một đôi giày da đen . Thời kỳ đó là "những ngày vui" như một tựa đề truyện ngắn Khái Hưng , hai tòa soạn này chạy qua chạy lại trên cùng một khúc đường Phạm Ngũ Lão , tuyển tập thơ văn Đất Đứng đầu tiên do Mặc Thu thực hiện và người đạo diễn Vũ Khắc Khoan , áo vắt vai, những đêm tập dượt Thành Cát Tư Hãn trên sân khấu trường Quốc Gia Âm Nhạc . Trời Sài gòn đầy sao, dưới đó văn nghệ sống , đêm Sài gòn dịu dàng với nó văn nghệ thức , một ông sáng sao hai ông sao sáng , những bữa ăn trưa ở nhà Thanh Nam, chúng tôi bắt chước Thâm Tâm đập hết ly tách trên tường, những bữa ăn đêm trước rạp hát Kim Chung gây sự với cảnh sát , những khuya say kéo về Góc Mây Vũ Hoàng Chương , quây quần ở Góc Khói Đình Hùng , ký bông thảng ở nhà hàng Hải Biên , chò "bất" tiền trước bàn giấy Khai Trí .

Vũ với chúng tôi có thật nhiều thời kỳ . Một thời kỳ , một hình thái sinh hoạt chủ nghĩa , bằng ấy thời kỳ nối liền bằng những hợp mặt say . Từ Vấn Đề , hấn "cho" Thanh Tâm Tuyền , Thái Tuấn rồi tôi thay phiên chủ bút, những buổi trưa trong Đại Học Vạn Hạnh, nơi tá túc của hai đảng thiên tài kinh chống Phạm Công Thiện và Bùi Giáng , bấy giờ Phạm Thiên Thư mới là một chú tiểu quê mùa dẹt dẹt tới xin đăng bài tùy bút đầu tay . Thời kỳ Vũ mỗi tuần đi máy bay lên dạy học ở Đại Học Đà Lạt , cứ khăn quàng cổ đồ phơ phất ở phi trường Liên Khàng , ngôi nhà nhỏ trên đồi nhìn xuống mặt nước hồ Xuân Hương , đêm hấn dựng trên một sân khấu lộ thiên rét cóng vở Quan Âm Thị Kính , Thanh Tâm Tuyền bầm tôi kéo nhau lĩnh ra phố chợ uống rượu , sáng hôm sau nhà soạn kịch cho mỗi thẳng chúng tôi một trận nên thân .

Sang tới Hoa Kỳ , mỗi kẻ một phương trời , một ông sao sáng hai ông sáng sao lẻ loi từng phiến trời lưu đày , chẳng còn có được với nhau ngày ngày những đêm vui như ở Sài Gòn ngày trước , Chẳng còn giới nghiêm cũng mặc, hẻm nào cũng vô . Say rượu gây sự với cảnh sát Mỹ cùng phiền lắm , đại hấn cũng không dám nữa . Vũ cũng đã 70 tuổi . Những sợi tóc bạc . Từu lượng phải giới hạn . Cái chân chớm tê thấp làm đau mỗi đổi mùa . Thơ, ngày trước là lên yên , lên đường ta say giữa trận tiền , người chớ cười . Thơ bây giờ : Dăm cụ bạn lác đác Mỗi năm tuổi hạc một cao . *Tâm thức cũng đã thay đổi . Nhìn thấy rừng phong thay lá mùa thu một mình , hư không đã là, hơi gió nửa khuya , cuộc đời hình bóng . Bây giờ là một Vũ hiền , giai tầng ở giữa đã trả lại cách mạng và thời thế cho những giai tầng khác, thôi mỗi tuần đòi chặt một đầu người , thôi tao đánh một cái nó chết . Thôi . Lâu rồi . Thôi . Đã mười năm thôi .*

Từ đứa cháu ngoại đầu , sáng sáng ra gọi ông ngoại bằng Khoan ơi . Từ Cộng Sản đốt sách Quan Diêm ở quê nhà . Từ bỏ nước ra đi, từ Lê Quang Luật mất . Những ồn động của thời thế bỏ lại cho cái bên kia một triền núi ồn động . Ánh mặt trời đã ngả về Tây là ở cái hướng khác những mặt trời lên . Vũ , 70, bạn hữu nhìn thấy ở Minnesota mùa tuyết 81, ở Cali mùa nắng 82 , đúng là một mặt trời hiền , một ông chủ tịch văn hóa hiền , một ông chủ tịch Phật Giáo hiền , một tiểu đồ hiền , một ông ngoại hiền . Chuyển dáng của Vũ đi vào tuổi già đã là một chuyển dáng đẹp . Cửa một chuyển cảnh đẹp . Tiền trường bây giờ thôi là cát bay gió chạy , người ngựa ngập trời , thế sống chất nổ . Cánh cửa sổ sầm chập của Lôi Vũ đã khép lại . Phồn Y đã ngủ yên . Tiền Trường bây giờ là một buổi chiều buồn rộng lớn, grande pour les êtres est la tristesse du soir, michelet, một con đường quê , một cánh đồng cỏ trong tranh Cezanne, những hoa tuyết dịu dàng, những cảnh du hiền triết . Buổi sáng . Jean Gabin lặng lẽ thức giấc , mùa đông dài , ly cà phê sớm , mặt bàn viết chụp đèn còn sáng xuống một trang lộng ngôn viết dở đêm qua . Lộng ngôn tôi , lộng ngôn bạn , lộng ngôn đời , tất cả êm đềm thỏa thuận . Những thế sống không thể tưởng tượng được , thôi hãy xếp vào lũ tượng gỗ ở với Những Người Không Chịu Chết , cho người thiếu nữ tên Thu cũng được biết đến hạnh phúc ở đời . Buổi chiều , ngôi nhà Bloomington tối xuống . Đêm nay tuyết đổ nhiều , hàn thử biểu không độ . Hâm nóng một chút rượu , Jean Gabin nhìn lửa . Kịch ở trong tâm , cái tâm đã yên . Tuyết rơi cứ rơi càn quét ảm áp . A mà bọn chúng đang làm gì ở bên Cali kia . Chúng đang uống rượu , thiếu ta sao được . Tuyết Đông Bắc mùa này vẫn chưa chôn vùi được đại hấn . Và những người Mỹ hồng hào no ấm buổi sáng hôm sau lại nhìn thấy cặp vợ chồng Á Châu lành hiền giữa họ , trong một phòng đợi , tường gương sáng láng, chờ giờ bay lên .

Kịch Vũ Khắc Khoan

Võ Phiến

(Văn Học Tổng Quan)

Kịch

Tình hình kịch ở Miền Nam sau 1954 có chỗ lý thú. Tháng 11 năm 1974 (tức đã vào cuối thời kỳ 54-75) ông Nguyễn Đông Châu của báo Văn đến phỏng vấn ông Vũ Khắc Khoan. Ông

Nguyễn bảo (hai lần) là ngành kịch bé tấc, ông Vũ cho là kịch “đang đi lên và không hề bé tấc.”^[1] Hai bên không biện giải; sự khác biệt không được giải quyết.

Kịch phát triển?

Sự thực, thiết tưởng có thể nói kịch bé tấc cũng được, mà nói kịch đang đi lên cũng được. Ông Vũ thấy kịch đi lên thì quả nó có đi lên: Trước kia, ở Việt Nam không hề có trường nào dạy dỗ về kịch cả, sau này đã có trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ tại Sài Gòn, có môn học về kịch tại Đại học Sư phạm và Đại học Văn khoa ở Sài Gòn, ở viện Đại học Đà Lạt có ban kịch Thụ Nhân, rồi chính ông Vũ lại đang dự định thành lập cả một phân khoa Kịch nghệ và Điện ảnh tại Học viện Tri Hành, dự định thành lập một nhóm kịch Chúng Ta tại Học viện Tri Hành này nữa, rồi cũng lại chính ông phăng phăng viết kịch đều đều, hăng hái (những năm sau này viết “ít nhất mỗi năm một vở”), ngoài ra lại còn soạn sách biên khảo về kịch nghệ Việt Nam. Như thế phải thấy là kịch đang đi lên chứ.

Ngoài ra, về một phương diện khác, phương diện phẩm chất của các vở kịch sáng tác trong thời kỳ này, thì tình hình cũng rất là đáng mừng: các vở kịch của Vũ Khắc Khoan đều có giá trị. Trong hai kịch tác gia lỗi lạc nhất của tiền chiến thì một vị là Vi Huyền Đắc có mặt ở Miền Nam. Sau 1954 ông Vi vẫn tiếp tục viết một số kịch bản, nhưng ngày càng lu mờ, không theo kịp Vũ Khắc Khoan. Hậu tiến như thế là có tiến rõ ràng chứ.

Lại xét về một phương diện khác nữa, phương diện xu hướng sáng tác, thì trong thời kỳ 1954-75 kịch Miền Nam có những khai phá đáng kể. Hồi tiền chiến các ông Vũ Đình Long, Đoàn Phú Tứ, Vi Huyền Đắc viết những vở kịch về phong tục, về xã hội, về tình yêu v.v... Sau 1954, chúng ta thấy nảy sinh thêm vài xu hướng hoàn toàn mới: tức xu hướng chính trị với Trần Lê Nguyễn (*Bảo thời đại*), Ngô Xuân Phụng (*Con vật phi lý*), xu hướng triết lý với Vũ Khắc Khoan (*Ngộ nhận*, *Ga xép* v.v...), Nghiêm Xuân Hồng (*Người viễn khách thứ mười*).

Chính trị và triết học là những cái sở trường, là mối ám ảnh của thời kỳ 54-75. Người ta thấy ảnh hưởng của nó trên khắp các bộ môn: tiểu thuyết, thi ca, tùy bút, v.v... chứ không riêng gì ở kịch. Dù sao, đó không phải là lý do để bỏ đi một đặc điểm của kịch hậu Genève tại Miền Nam. Thế rồi cũng không nên bỏ qua chuyện này: là số người viết kịch của thời kỳ sau này cũng không đến nổi tiêu điều. Có người chuyên hẳn về kịch như Vũ Khắc Khoan, Trần Lê Nguyễn, Vũ Lang, Vi Huyền Đắc; có người hoặc là thi sĩ mà có kịch như Vũ Hoàng Chương (*Vân Muội*, *Tâm sự kẻ sang Tân*), hoặc là tiểu thuyết gia mà cũng có kịch như Doãn Quốc Sĩ (*Trái cây đau khổ*), hoặc là khảo luận gia mà cũng vẫn có kịch, như Nghiêm Xuân Hồng. Đó là những người thuộc thế hệ trước, những người đã xuất hiện từ thời tiền chiến hay xuất hiện trong giai đoạn đầu của thời kỳ hậu Genève. Về sau cũng lại có mấy cây bút trẻ tiếp tục viết kịch: Dương Kiên, Phan Tùng Mai, Phạm Đức Thịnh... Những kịch gia của giai đoạn sau quả chưa có thành tích khả dĩ sánh kịp thế hệ trước, tuy vậy họ cũng đã bắt đầu được tán thưởng. (Hai vị vừa kể sau cùng đều được giải thưởng Văn học Nghệ thuật về các kịch bản của họ.)

Ấy là chưa kể cái viễn tượng mà Vũ Khắc Khoan đưa ra trong cuộc phỏng vấn nọ: Sinh viên tốt nghiệp phân khoa Kịch nghệ và Điện ảnh của học viện Tri Hành rồi sẽ đi làm giáo sư trung học, sẽ viết kịch, đạo diễn kịch, viết truyện phim, sẽ hoạt động ở các ngành vô tuyến truyền hình, vô tuyến truyền thanh, sẽ thành những ông tiến sĩ kịch nghệ nữa v.v... Con đường thênh thang ấy tha hồ thu hút thanh niên ưu tú của nước nhà. Hàng ngũ những người làm kịch viết kịch diễn kịch tha hồ đông đảo. Làm sao có thể cảm lòng được? làm sao không lạc quan trước những điều như thế?

Kịch bé tấc?

Tuy vậy, cái cảm tưởng của ông Nguyễn Đông Châu cũng không phải là vô căn cứ: kịch ở Miền Nam bây giờ vẫn ở trong một tình trạng bé tấc. Nó không có quần chúng. Kịch rớt cuộc là

chuyện của giới làm kịch với nhau, không liên quan gì đến giới thường ngoạn, đến quần chúng. Thế không phải là một bế tắc sao?

Trước hết ông Vũ Khắc Khoan cũng nhận rằng giai đoạn đầu, cho đến 1963 thoạt kịch vắng mặt trên sân khấu, ngoại trừ vài hoạt động của Vũ Đức Diên. Nhưng từ sau 1963, vào giai đoạn sau thì ông cho rằng thoạt kịch đã “dần dần thu hút được một số khán giả”. Một trong những trung tâm phát động phong trào kịch là Đà Lạt. Tại Đà Lạt, cái trung tâm ấy là viện đại học Đà Lạt, tại viện đại học ấy cái trung tâm chắc chắn là ban kịch Thụ Nhân của đám sinh viên ông Vũ. Thành tích đáng kể nhất là thành tích năm chót: trình diễn *Les Justes* của Camus, *Thành Cát Tư Hãn*, *Ga xếp* của Vũ Khắc Khoan ở các viện đại học, ở trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ, tại Đà Lạt, Sài Gòn.

Một ban kịch của sinh viên học kịch, được trường cấp một khoản kinh phí, tập dượt và diễn kịch cho thầy cho bạn, cho một vài trường bạn khác xem chơi. Ban kịch sinh viên Đà Lạt hoạt động như thế, ban kịch của sinh viên trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ cũng đã hoạt động như thế, sau này rồi ban kịch Chúng Ta của viện Tri Hành rồi cũng hoạt động như thế nữa chẳng? Nếu vậy thì bảo có bế tắc, không sai mấy.

Người ta tự hỏi: Tại sao kịch đã tập xong, phông màn y trang sắm xong, sau khi diễn cho thầy cho bạn xem xong, lại không liều mình đem ra bán vé trình diễn cho đồng bào xem với? Để có chút ngân khoản cho các hoạt động kế tiếp mà phát triển ngành kịch, để gây phong trào kịch trong quần chúng v.v...

Lại tự hỏi: tại sao ngoài những ban kịch sinh viên, không có những ban kịch chuyên nghiệp sống bằng lợi tức trình diễn các vở kịch có giá trị? thoạt kịch ta từ Vũ Đình Long đến Vũ Khắc Khoan chắc chắn là có thừa tác phẩm để cung cấp cho một vài ban chứ.

Kẻ muốn gây phong trào cũng như người muốn sống với nghề đều tránh mang kịch ra quần chúng, sự kiêng kỵ ấy tôi ngờ rằng chỉ có một lý do: quần chúng không sốt sắng, không chịu bỏ tiền mua vé xem kịch. (Ở đây chúng ta chỉ nói đến thoạt kịch chứ không nói về ca kịch, và trong thoạt kịch chúng ta cũng chỉ đề cập đến thứ thoạt kịch có liên hệ với văn học, tức là có những kịch bản ấn hành như văn phẩm, chứ không phải loại thoạt kịch vẫn diễn trên truyền hình, hay vẫn do Kim Cương soạn và diễn trên sân khấu.)

Bởi kịch ở ta không có quần chúng hưởng ứng, không gây lợi tức, cho nên không có diễn viên chuyên nghiệp. Trước sau chỉ nghe nói đến những thi sĩ, văn sĩ, kịch tác gia, những bạn bè của họ và học trò của họ lên sân khấu diễn lấy kịch của mình viết ra mà thôi: Vũ Hoàng Chương, Đoàn Phú Tứ, Thế Lữ, Hoàng Cầm, Nguyễn Tuân, Vũ Khắc Khoan, Đinh Hùng v.v... Kịch sĩ đấy! Sao mà vất vả thế? Như vậy mà chưa gọi là bế tắc thì e có bao dung quá đi chẳng?

Mà giá có kêu lên là kịch gặp bế tắc thì tưởng cũng không bao hàm một trách cứ nào cả. Không phải lỗi của thời kỳ 1954-75, vì trước đó có thời nào là thời kịch phát triển mạnh? Không phải lỗi của Miền Nam, vì ở Miền Bắc cũng không nghe có đoàn kịch chuyên nghiệp nào sinh sống bằng đồng tiền của quần chúng; ở Miền Bắc, một vở kịch như *Anh Sơ đầu quân* của tác giả danh tiếng Nguyễn Huy Tưởng chẳng hạn nếu không được giải thích là nên xem để học tập, để củng cố lập trường, mà đòi phải mua vé đi xem thì chắc cũng chẳng có mấy ai chịu hưởng ứng. Cũng không phải lỗi ở các nhà soạn kịch, vì ngay từ hồi Vũ Đình Long đăng vở *Chén thuốc độc* trên báo *Hữu Thanh* thi sĩ Tản Đà đã khen là có giá trị rồi, sau đó càng ngày kịch viết càng hay còn trách vào đâu được?

Kịch Việt Nam nó không phải chỉ bế tắc ở Việt Nam. Sau 1975, đồng bào ta chạy hàng triệu người ra nước ngoài, lưu vong khắp Á, Âu, Úc, Mỹ; ở đâu kịch cũng bế tắc. Tạp chí *Nhân Văn* (xuất bản ở San Jose, số Xuân Giáp Tý 1984, trang 13) lại phỏng vấn Vũ Khắc Khoan. Ông đáp: “Sinh hoạt èo uột, phẩm chất nghèo nàn, số lượng ít ỏi. Nguyên nhân? Đó là sự thiếu thốn về mọi mặt. Thiếu vở, thiếu người (đạo diễn, diễn viên, chuyên viên kỹ thuật âm thanh và ánh sáng...) và nhất là thiếu tiền (tiền thuê rạp, mướn nhân viên tổ chức, bán vé, thuê, thù lao, chuyên chở, quảng cáo...)”

Ta nên đặc biệt chú ý tới cái thiếu “nhất là”: tiền! Có tiền thì có cả diễn viên, chuyên viên, rạp, thuê, quảng cáo v.v... Mà tiền thì các vị chăm lo giáo dục, phát triển kịch nghệ ở trong nước

cũng không quên: ông Vũ nói với ông Nguyễn Đông Châu về tiền của viện đại học cấp cho sinh viên, ông Hoàng Trọng Miên (trong cuộc phỏng vấn của Nguyễn Ngu Í đăng trên *Bách Khoa số 122*) thì đặt vấn đề trình trọng hơn: ông viện ra một ý kiến đầu đó cho rằng cứ nhìn vào sân khấu của một nước có thể biết được trình độ văn hóa của dân tộc nước ấy, và ông cho rằng chính phủ luôn luôn có phận sự “trợ cấp hữu hiệu cho nền sân khấu quốc gia”. Chắc các ông Hoàng và Vũ đều nhận rằng chính phủ có làm cái phận sự trợ cấp đó đối với trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ. Nhưng sao trợ cấp lại thiếu hữu hiệu?

Dầu sao trợ cấp từ nơi này nơi nọ e không phải là giải pháp vĩnh cửu cho nghệ thuật. Từ vở kịch *Chén thuốc độc* của Vũ Đình Long đến cuối thời 1954-75 vừa qua là hơn năm mươi năm: năm mươi năm của thế kỷ XX là một thời gian dài lắm, dài quá lắm đấy nhé. Chừng ấy thời gian mà không lay chuyển nổi thái độ của quần chúng thì có lẽ chúng ta có quyền nêu lên một vài thắc mắc, ngờ vực. Thoại kịch có gì không hợp với quần chúng ta chăng?

Kịch và năng khiếu của dân tộc

Quái, ta viết truyện theo quan niệm Tây phương: đồng bào ham đọc; ta soạn nhạc ta ca hát theo Tây phương: đồng bào ham nghe; nhưng ta diễn kịch: bà con không ham xem. Tiểu thuyết, nhà nước không nuôi dưỡng mà nó sống; hội họa ca nhạc, nhà nước không trợ cấp mà nó cũng cứ sống; thơ mới không được chính quyền chăm bón mà vẫn phát triển rộng rãi; các loại ca kịch (cải lương, hò Quảng, ca Huế v.v...) càng phát mạnh. Duy thoại kịch, thứ được giảng dạy ở đại học, trao phát bằng cấp xênh xang, được nhà nước làm phận sự trợ cấp mà lại cứ bị kẹt hoài. Quần chúng có gì đổ kỵ với thoại kịch? Có một sự đổ kỵ như vậy chăng? Có một sự thiên lệch như thế trong năng khiếu của dân tộc chăng? Vấn đề đáng được xem xét kỹ, đào sâu thêm, trong khuôn khổ cuộc nghiên cứu giải pháp phát triển kịch.

Trong cuộc phỏng vấn vừa nói của tạp chí *Nhân văn*, ông Vũ Khắc Khoan bảo rằng: “Gần đây tôi có nghĩ một cách để giải quyết (...) Tôi nghĩ đến sự thành lập tại mỗi tỉnh lỵ trên nước Mỹ, ở bất kỳ địa phương nào có khá đông đảo người Việt lưu vong, có người Việt lưu vong yêu sân khấu — San Jose, Sacramento, Santa Ana, Washington DC, Minneapolis, Houston, Dallas, Seattle... — ở mỗi nơi một đoàn thể ‘Hội những người yêu kịch’. Hội sẽ xin được quy chế bất vụ lợi, sẽ được miễn thuế và có thể nhận tiền ủng hộ trong những dịp tổ chức trình diễn. Hội viên đóng tiền nguyệt liễm và chuyên hoạt động cho sân khấu. Sân khấu. Còn sân khấu? Nói đến sân khấu, ta phải lập tức quên đi những hình ảnh lộng lẫy năm xưa của sân khấu Việt Nam với tấm màn nhung đỏ. Sân khấu trường Quốc gia Âm nhạc Sài Gòn, sân khấu Spellman đại học Đà Lạt, nhà hát lớn Hà Nội, rạp Thống Nhất Sài Gòn. Nghĩ đến kịch ở đây, hôm nay, ta hãy trở về một quá khứ xa xưa hơn nữa, khi sinh hoạt kịch nghệ chỉ là sinh hoạt những ban hát bội, những ban hát chèo nho nhỏ, diễn viên gánh đồ trang trí và nhạc cụ, đêm đêm vượt mấy cánh đồng, hát rong từ thôn này tới xóm khác, khi sân khấu chỉ là một chiếc chiếu trải rộng giữa sân đình, khán giả quây quần chung quanh đăm đăm cùng ‘sống’ say sưa với những éo le Lưu Bình, Dương Lễ, những liếc mắt lãng lơ Thị Mầu, hào khí ngất trời Đồng Kim Lân, Khương Linh Tá.” Tội ngờ rằng cái cách mà ông Vũ mới nghĩ ra hồi gần đây cũng không giải quyết được gì. Cách mới không khác những cách cũ, ở Mỹ không khác ở Việt Nam: cũng là sự giúp đỡ của chính quyền, cũng là sự hi sinh của “người yêu kịch”. Hi sinh quá quắc: đã bỏ công đem tài ra diễn cho người ta xem, còn bỏ tiền ra đóng nguyệt liễm cho hội nuôi kịch. Mệt quá.

Chúng qui cũng chỉ vì thiếu người xem kịch. Chữ “yêu kịch” trong cái tên đoàn thể trên đây chưa được định rõ nghĩa: phải nói là hội của những người yêu viết kịch và diễn kịch. Còn yêu xem kịch thì cần gì phải vào hội đóng liễm phí hàng tháng: xưa nay quần chúng khán giả có lệ đóng tiền... hàng đêm. Ở ta số người yêu viết và diễn kịch đông hơn số người yêu xem kịch, cho nên... mệt!

Vả lại nguyên cái ý kiến về sự thành lập “Hội những người yêu kịch” đã chứng tỏ hạng người ấy còn hiếm hoi. Trên đời không ai dám có sáng kiến lập “Hội những người yêu gái”. Một đảng e quá nhiều hội viên không quản trị nổi, một đảng quá ít không thành lập nổi.

Ông Vũ có nói đến hát bội hát chèo. Hãy thêm bài chòi ở Trung, cải lương ở Nam nữa. Những hình thức ca kịch ấy, thứ “thấp” thứ “cao” đều được quần chúng Việt Nam tán thưởng. Nó sống không cần trợ cấp của chính quyền, không cần nguyệt liễm của người “yêu”. Đồng bào ta hình như chỉ “chịu” được ca kịch mà không chấp nhận thoại kịch; trên sân khấu Việt Nam phải có tí ngâm nga mới được. Tại sao vậy? Nhớ Hồ Thích nghiên cứu về hí kịch Trung Hoa có lần từng nói đại khái là kịch tuồng ban đầu kết liền với ca xướng, về sau dần dần thoát ly ra. Còn vương váu vẫn điệu bổng trầm, kịch tuồng khó bề diễn tình đạt ý đến nơi đến chốn, khó bề dựng nên những nhân vật linh hoạt sống động, tâm lý sâu sắc. Từ khi thoát khỏi ca xướng, nó trở nên tinh vi hơn nhiều. — Vậy kịch tuồng ở ta là một sự chậm trễ? một sự chậm trễ cố ý? Cái ngâm nga trên sân khấu làm giảm hiệu lực tả tình đạt ý, ta bắt cần. Ta nhất định cứ lấy tiếng hát; còn cái hình ảnh của thực tại đưa lên sân khấu có vì đó mà bị tổn thương, ta không ngại. Ta có vẻ không bao giờ ngại về điều đó. Nghệ thuật của ta không chủ ý theo sát thực tại. Ta không muốn nhại thực tại.

Thử nghĩ qua một chút về năng khiếu dân tộc. Diễn viên chèo không nói năng giống ngoài đời, điệu bộ trong tuồng hát bộ không giống cử chỉ ngoài đời, tình tiết xảy ra trên sân khấu cải lương không theo sát sự việc ngoài đời...: trong ca kịch không cái gì giống hẳn thực tại cả. Kịch thì giống quá. Hay ít ra nó cố gắng giống. Đồng bào ta không thích thế. Xưa kia, ta không có lối vẽ hết người thực cảnh thực, không có truyện tả chân như Maupassant, Balzac... Á đông không có năng khiếu tả chân. Trên màn ảnh chiếu bóng tài tử Âu Mỹ diễn cứ y hệt như thực; tài tử Á Đông không nhại được thực tại, kém rõ. Tài tử trên màn ảnh của Tàu, của Nhật, của ta lúc nào cũng cứ như là... đóng phim, nhiều màu mè điệu bộ quá.

Ta không có cái sở trường mô tả sát thực tại. Mà giữa thoại kịch với ca kịch thì thoại kịch theo sát cuộc đời hơn, vì vậy mà quần chúng ở ta thiên về ca kịch?

Vả lại nói chung kịch tuồng của ta xưa nay vẫn ề ọet. Nguyên Sa kêu: “Trong nền văn chương cổ điển, thơ khỏe ghê, đồng lắm, kịch thấy gần như chẳng có gì cả.”^[2] Còn trong nền văn chương tiền chiến thì: “so với tác phẩm thơ và truyện, kịch chắc chắn ở một mức độ thấp hơn. Tại sao? Thiếu sân khấu, thiếu phương tiện dựng kịch, thiếu sự trình diễn kích thích sự sáng tạo, hay vì các kịch gia Việt Nam chưa thích ứng được hình thức thoại kịch Tây phương với tâm hồn Việt Nam.”^[3]

Xét về tác phẩm kịch tuồng từ cổ tới kim thì như thế. Xét về mặt trình diễn thì giới diễn viên vẫn bị coi rẻ, coi là hạng “vô loài”. Ấy vậy mà thoát cái, sau cuộc tiếp xúc với Tây phương, các văn nhân tài tử của ta bỗng nắm tay nhau hớn hờ nhảy lên sân khấu, bôi mặt vẽ mày thập phần hồ hởi. Đó đã là một thay đổi đột ngột và lạ lùng rồi. Lại còn diễn ít mà viết nhiều, diễn còn bé tắc mà viết cứ hào hứng như thường, hay ho ra phết. Như thế riêng trong phạm vi văn học bộ môn kịch đã ghi được một điểm son, các kịch tác gia đã cố gắng và thành công đáng khen.

Còn tác phẩm của họ rồi quần chúng khán giả nơi hí trường có tiêu thụ nổi hay không, thoại kịch rồi có dần dà thích ứng được với tâm hồn Việt Nam hay không, những vấn đề ấy thuộc phạm vi khác, nên được nghiên cứu kỹ lưỡng để tránh khỏi phí phạm sự nỗ lực của một số nhân tài vào một hoạt động lỡ ra không có công dụng gì xứng đáng.

Mơ Hương Cảng

Tùy bút

Để nhớ lại một chuyến đi, Nguyễn đặt tên con gái là Hương Cảng .

Gọi lên, Hương Cảng gọi đến sóng gió đại dương, boong tàu bành bồng và chất men tứ chiếng của những nơi chung đụng tạm bợ nhiều giống người và rất nhiều tâm sự . Hương Cảng lại bằng da, bằng thịt, gọi lên một chiều bức gió, giữa hai tợp rượu ở một xó đất liền, gọi lên để thấy nó sừng sững trước mặt, ngả nghiêng xô lại như bến cập tàu, để rồi ngậm ngùi thấy mình

biến thành một con tàu cắm neo ở bến, - Hương Cảng - đặt tên cho con, mà chỉ gọi đến trong muôn một cái bản khoản của mình, chỉ để ý đến sức gọi cảm của một chữ, bất chấp cả ý nghĩa một cái tên, bấp chập cả - đến tên thằng con giai sinh trước vốn thuộc bộ Sơn... Nguyễn thật đã đạt tới cái mực tượng trưng của nghệ thuật đặt tên

Nhưng tại sao , chiều nay, tôi lại chơi nghĩ tới Nguyễn ? Tại sao chiều nay tôi nhớ đến một cái tên người -dầu là -dàn bà . Hương Cảng năm nay đã mười mấy rồi nhỉ ? Có phải vì một chút rượu mạnh mà Nguyễn đã bảo tôi cách pha phách, hay là vì cái người khách hàng lâu -dâu mới bước vào, duren duren ngồi trước mặt tôi, trong quán rượu tôi thường lui tới ? Có nhiều khi chỉ một tà áo thấp thoáng giữa hai cánh cửa khép hờ, một khóe mắt, một điệu hát dè dè , một mùi hương đặng đặng , một tiếng cười giữa cổ trắng ngần, có nhiều khi, cùng -dà làm cho ta nghĩ đến bao nhiêu việc đã qua, bao nhiêu việc đã tưởng im lìm trong dĩ vãng . Có những chiếc tàu bễ đắm từ một thế kỷ nào xa lạ, thế rồi một -dêm trăng thượng tuần nhếch mép chợt cựa mình xê dịch ở đáy đại dương Có những chiếc bánh madeleines của Proust trong cuộc phiêu lưu ngược dòng thời gian thăm thẳm vào vực ký ức

Giờ đây, - gió không nổi - chỉ có màu vàng một cốc men trộn ánh chiều tà, tiếng ồng ọ của cu đá nhấp nhô theo sóng rượu mà -dừa với thành cốc . Giờ đây, ở lại còn cả một khung cảnh có hồ xa-xa có liễu xanh-xanh, có chiếc Tháp Rùa, muôn hình van-trạng, khi cục - mịch cô-đơn sừng sững, khi mỏng tanh như một tấm bia bài - trí sân khấu . Sân khấu là một quán rượu . Có hai nhân vật: một ngồi lặng bên cốc rượu , một mới tiến vào . Người suy nghĩ ngồi đã khá lâu . Không phải vì rượu cạn bởi không có gì nhắm với rượu . Nên khi người thứ hai tiến vào thì người thứ nhất vội thôi suy-nghĩ để rót liều chai nước soda vào cốc rượu mạnh. Nhắm liều . Không có mực Bắc - Hải , âu là ta dùng cái khoản lạc rang . Khoản lạc rang là người thứ hai, khó định tuổi, y-phục màu sạm, may theo kiểu Anh-Cát - Lợi, sát vào người mà lại rộng rãi, kín đáo mà dỏm dạng .Nhưng có một cái gì ở con người này mà người thứ nhất - chính là kẻ cầm bút đang nghếch ngoạc những dòng văn vợ này - mà tôi thấy ngang- ngang, khó chịu - một củ lạc thối , một sợi mực hầy còn dai- không biết có phải tại chiếc cà vạt lấm máu , lằng nhằng nhiều nét, hay đôi mắt hùm hụp một mí, hay là tại chiếc áo lót mình màu quá sáng đối với nước da tái sạm ... hay đôi giày cầu kỳ chạm trổ , mũi hớt cong veo ? Có lẽ là tại tất cả . Tất cả là một không-khí mà tôi đã linh-tính được giá trị - một thứ đồ nhắm kể ra cũng thường nhưng có lúc, như lúc này chẳng hạn lại rất được việc. Cái không khí đó, lưng chừng cốc rượu , tôi bèn mệnh danh là Hồng Kông- tại sao ? Hồng Kông dất giày Hương Cảng - tại sao ?

Thế là danh-từ Hương Cảng đã nổi lên nền ký ức Theo liền là ông cụ thân sinh: anh chàng Nguyễn . Tại sao ?

Nhưng tại sao lại tại Nguyễn có một cuộc sống ồ - ạt, một cá tính rất sắc cạnh và tất nhiên rất quyến rũ . Không những thế Nguyễn lại viết . Nghĩa là lấy ngay cái ồ - ạt của cuộc sống bừa bãi của mình làm đối tượng cho sự suy nghĩ để rồi, từng chữ, từng câu giải rộng và dài những cơn tâm sự lên trên giấy trắng . Cũng vì thế mà ảnh hưởng của Nguyễn đã in hằn lên nhiều người chung quanh . Ở đây ... thỉnh thoảng những người quen Nguyễn thường vẫn gặp lại , nhận ra ngùi ngùi nhận ra đây đó một vài cử chỉ , một vài lời nói , nét cười ... cách viết của một con người không những đã sống để viết nhưng lại luôn luôn rất bản khoản về cuộc sống và ý nghĩa của việc cầm bút .

Hương Cảng vào lúc này chắc là sắp nhận nhip . Cuộc sống bên đó hình như chỉ thực sự bắt đầu khi ánh điện thay thế cho ánh mặt trời ... rền rĩ nhip kèn , tơi bời nhip trống, hùng - hổ, đen, trắng, những phím dương cầm . Có ai lại dò đài bá âm Hương Cảng vào lúc "nhật xuất".

Người Hương Cảng chắc phải lấm loài . Có hệ thống ngang của Tưởng . Có hệ -thống dọc của Mao . Nhưng cái hệ thống ngang nhứt nhất vẫn là cái thứ hệ - thống không Mao, không Tưởng,

gồm những người đuổi theo tiền từ Nam-Kinh tới Hoa - Nam để rồi cập tới bến này - ruộng đất đã thành từng gánh quốc tệ , quan-kim và nay lại trở nên những gói đồ - la -; những người đã từ lâu không nghĩ , những người chỉ còn biết có quay cuồng xanh- đỏ với đèn nê -ông, này là nhíp ba . đây lại nhíp đôi . Lại có những người , giữa hai tộp nước trà và nửa cái bánh bao, ngây thơ rủ rỉ với nhau :

- Ô ... Mao cũng như Tưởng mà ! Này nhé ...

- Ô ... Tưởng cũng như Mao mà ! Này nhé ...

Chung quy chỉ có cái ông Et-Sen-Hao - Ở và Ma-Len-Cô là thiệt , hỡi ơi !

Đôi khi cũng có dăm ba bộ mặt cúi gằm: họ giạt về đây , bởi chẳng ai dung . Mao có lẽ cho họ là quá - khích hoạt lừng kình . Tưởng tất cũng không chịu được họ , bởi lừng - kình hay quá khích .

Người khách hàng ngồi trước mặt tôi, nếu có tản bộ ở một ngã đường Hương-Cảng thì sẽ thuộc loại nào ? Và tại sao con người đó lại gọi cho tôi cái danh từ Hương Cảng? và tại sao đột nhiên cả một vấn đề lại được đặt ra ? Vì tất cả - người khách hàng, cốc rượu mạnh, ánh chiều sắp tắt, Hương Cảng ... Nguyễn - đã lúi húi về một bình diện thứ hai xa lắc . Chết sấm của óc con người đã làm việc : bình diện thứ nhất là bình diện trừu tượng . Những vấn đề đặt ra ở đó vẫn đòi hỏi một giải quyết thực tiễn ... bởi phát sinh từ những hình ảnh , sự việc cụ thể . Con centaure là một quái vật, nhưng nhìn kỹ, quái vật đó cũng chỉ là sản phẩm của trí tưởng tượng một nghệ sĩ nào đó bắt nguồn từ một con người và một con ngựa , từ một con người cưỡi ngựa .

Vậy thì , đầu Ngô mình Sở , lời thôi , lách thép, một vấn đề đã được đặt ra .

Vấn đề là : Viết và sống

Tôi gặp Nguyễn khi chàng đã ngấy cuộc sống , cuộc sống của chính chàng mà chính tay chàng đã tỉ mỉ phân tích , soi bói từng khía cạnh . Tác phẩm của chàng kể về một niềm tâm sự lê thê, day -rứt rằng sống, thời đã đến lúc mất hết bất ngờ , nhất cử nhất động là để bước lại những bước chân quá thuộc lối trên những con đường mòn mỗi hôm qua mà ở mỗi lối ngoắt lại đều đều hiện lên những bộ mặt lên mô, mới thoáng nhìn đã thuộc giọng nói, vừa cất tiếng đã biết rõ hướng câu chuyện ...

Chàng sống và viết, luôn luôn bị một cái "tôi" ám ảnh , viết và sống để thực hiện cái "tôi" quái đản của chàng .

Nhưng một đêm trăng hạ - tuần chênh - chéch , Nguyễn bàng - hoàng thấy cái "tôi" đó ngo ngác nhìn chàng , ẩn hiện trên bãi nước tiểu của chính chàng . Nguyễn rùng mình , vì trong giây phút , chợt tìm thấy một thứ cử chỉ mà chàng chưa từng làm . Một cử chỉ ý thức mà lại hợp lý . Cái "tôi" ở bãi nước tiểu âm thầm đòi hỏi một giải quyết . Ngồi bút của Nguyễn triu mền phác họa hình giáng một khẩu lục liên . Khẩu lục liên khắc ra nhiều tiếng nổ lịch sử . Nguyễn gục xuống để rồi lại đứng dậy : cái "tôi " ở bãi nước tiểu lặng lẽ nhắm mắt . Nguyên tập tễnh tập đi những bước đi mới , đều đặn, thẳng thắn , nhưng bước đi không tùy ý ngân dài không được theo sở thích loạng choạng, những bước đi theo sát nhíp bước của người tiến trước để giữ nhíp cho những kẻ theo sau . Nguyễn lên đường, thôi cô đơn thắc mắc, vì Nguyễn -đã bỏ thói độc hành để đồng hành cùng những bạn đường mới . Con đường hẳn phải vui bởi Nguyễn vừa đi vừa hát . Ngồi bút của Nguyễn từ đó thôi bực rọc . Dòng chữ theo dòng tư tưởng đều đều sắp hàng thẳng tắp . Con đường vui cũng là con đường một chiều . Và người đi đường yên tâm dần bước - còn đâu là những bước đi ngang, chân nam đá chân chiêu ? còn đâu là những bước giang - hồ thủng thẳng một mình, một gậy theo hút một ven -dê ? Còn đâu ? ... - Những người đi đường không có thì giờ để nghĩ - phải tiến cho kịp bước tiến của bạn đồng hành, người đi đường có lẽ cũng không có thì giờ để viết - vì phải sống , sống mạnh và -dày đủ . Bất bình tắc mình , nhưng con đường đã vui , cuộc sống đã trọn vẹn thì kêu lên làm gì : và viết thì viết gì ?

Viết rằng : " Trăng hoa vàng lay lắt cạnh bờ mây"

Có lẽ là tại Xuân Diệu đã bất bình với cuộc sống - để rồi trốn tránh - vào một thời mà trăng có chiếu xuống nơi Xuân Diệu ở thì cũng chỉ đủ để làm lấp loáng nổi được một bãi nước tiểu . Vũ Trọng Phụng rũ rượi chết trong nghèo khổ tất phải bất bình với những bữa tiệc quá linh đình , những tấm bố thừa thãi trong những cơn hành lạc của những thú Nghi Hách . Nguyên - Hồng hình như đã thổi viết và Gorki nếu có quyền rũ ta , cũng vẫn là Gorki của thời tiền cách mạng . Gide cũng chỉ còn nghếch ngoạc vào trang nhật ký , đôi lời giới - giảng , sau khi nhận giải Nobel . Và ở bên Pháp, mỗi khi một nhà văn mặc áo đeo gươm để trình trọng ngồi vào một cái ghế bất tử thì nhà văn đó cũng thổi bất tử . Thanh gươm hàn lâm tuy chẳng bao giờ sắc cạnh ấy thế mà cũng đủ đâm chết được người ! Một nhà văn đã nằm xuống . Và một ông hàn được khai sinh , để sống dai , ngồi dai, ăn tiền phụ cấp ... Âu cũng là một cách sống ! Nhưng Nguyễn tất sống khác , bởi cái sống của Nguyễn không có nghĩa là ngồi dai ăn tiền mà có đủ ý nghĩa trọn vẹn của một cuộc sống nhật nhật tân, hựu nhật tân . Âu cũng là một cách sống .

Nhưng vấn đề không là sống , mà sống và viết

Tôi xa Nguyễn từ buổi Nguyễn lột xác lên đường . Tôi ở lại chịu nhận lấy nghiệp bất bình của một loại người mà viết đã thành ra một nhu cầu gần như sinh lý . Tôi ở lại bên cạnh một bãi nước tiểu , hẳn học trong một thế ngõ cụt . Để sống không trọn vẹn. Để viết . Về những -dêm tuần trăng đủ sáng, cái "tôi" hiện lên trên bãi nước tiểu thật ra cũng khá thiếu não . Ngồi bút đã thấy vùng vàng với giấy trắng mênh mang, khi cũng muốn phác mạnh một nét đen xì ... như Nguyễn, chẳng hạn. Nghĩa là cố tìm ra một thứ pháo xiết (1) gì để xoá nhòa hoặc cái "tôi" trên bãi nước tiểu , hoặc chính ngay bãi nước tiểu . Vì đôi khi, đóng kỹ cửa buồng, đọc thoại , tôi lại hỏi tôi: viết để làm gì ? viết cho ai đọc ? Nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh ? Ôi là cái ma túy của những danh từ ? Vì đã nhiều dòng chữ quẩn - quặt qua bờ kiểm duyệt , dòng ngược dòng xuôi, mà tựa trung người cầm bút chân thành thấy bản khoản mỗi khi cầm bút , nhất là mỗi khi đặt bút xuống bàn, đọc lại những gì mình viết . Nghệ thuật ? Một danh từ . Nhân sinh đôi khi cũng mờ ảo . Vậy sao không thành thực mà nhận là trước hết , mình viết cho mình ? "Mình" là một cái gì rất cụ thể , đói ăn, khát uống, thèm viết . Mình viết cho mình , đã làm sao , nếu thành thực ? và nếu có ai động cựa thêm một biểu ngữ hay một châm ngôn, nếu có ai thừa thì giờ lý luận , nếu có ai thích lý luận bởi lười viết , bởi sống yên , hãy đừng cười, mà trình trọng tuyên bố với họ là: nghệ thuật vị nghệ sĩ !

Hãy cứ sáng tác cho nhiều . Nếu bản khoản thì lấy ngay cái bản khoản đó mà biến thành chất văn , chất thơ , chất họa , chất nhạc . Đừng để bút khô mực . Đừng cho giấy được phép trắng ngần . Hãy dần xuống vài những hần học của mình, ca lên những khúc đoạn trường, nếu thành thực thấy là -dứt ruột . Hãy xoa mặt chược bằng hai mươi nhăm mẫu tự la tinh, xếp thành từng tập tất cả những gì nó làm mình sực tỉnh nửa vời giấc ngủ đáng nhẽ phải ngon . Đừng bịt mũi nhắm mắt khi đi qua một bãi nước tiểu - của bất cứ ai - cố giữ đừng nôn để rồi chọn màu mà vẽ , truyền cái buồn nôn đó lên mặt vải .

Viết cho mình mà kết quả lại là viết cho người .

Tiếng tí Tầm Dương và -dứt trích Giang Châu . Giọt lệ người áo xanh rỏ xuống vì ai ? Mà người kỹ nữ nơi giang đầu "điều hiu lau lách" có ôm -dàn cái -dêm "quạnh hơi thu" thuở trước thật cũng chỉ để " ... than niềm tấc tức bấy lâu ."

Viết cho mình, tất nhiên, và luôn thể cho tất cả những ai "một hội , một thuyền" . Để gục đầu vào nhau mà cùng ý thức được cái kiếp lặn độn ở một ven trời đất trích .

Nhưng vấn đề không phải là sống, mà sống và viết

Cốc rượu đã cạn nửa . Ý nghĩ theo men, đã bốc ra lời , bởi tôi cảm thấy hình như người khách hàng ngồi trước mặt có nhìn tôi . Cái nhìn đó có giá trị ngang một cái nhìn qua một lỗ khóa . Tôi tự thấy ngỡ ngàng như một sương phụ đang thay áo . Tôi ngóảnh lên, đủ để biết rằng người

khách hành đang thưởng thức một cốc cà phê đá , và bắt chợt một khoe mắt đưa ngang cộm cộm một mí . Có những bộ mặt khó chịu , có những bộ mặt xấu xí mà quyến rũ, có những bộ mặt bụi, có những mặt hoa da phấn và có những bộ mặt cứ thoát trông đã muốn buồn nôn. Người khách hàng tất phải có một bộ mặt thuộc loại cuối cùng . Tại sao Tại sao lại uống cà phê - đá ? Tại sao lại nhìn ngang ? Chiếc cà vạt ? ... Bộ áo diêm dúa ? ... Tôi không muốn đặt câu hỏi - làm như là ở cái thời này , nơi đây đã thiếu hẳn những vấn đề chưa giải quyết ! Tôi chỉ tưởng đến khi mà một người nào đó - thuộc loại người này - cầm lấy tờ báo này , mà -đọc những dòng túy lúy này .

Không! Tôi không viết cho hần . Nếu ở bến Tầm Dương tôi có là một kỹ nữ, thì hần cũng không thể nào lại là một ông Tư Mã áo xanh . Ở đây làm gì có lau lách ? đìu hiu , đất trịch là -đất trịch của riêng những đứa chúng tôi .

Tôi nhìn xuống bàn tay . Mười ngón đang là mười con rắn độc . Thế ra ai cũng có thể là một sát nhân , ôi ý - nghiệp! Tôi cầm vội cốc rượu . Cục đá đã tan - ơi hời , cái cụ Âm Bằng! Trơ lại là một chất nước vàng sủi bọt. Lòng cốc chịu chịu dâng lên một cái "tôi "

Nghệ thuật vị nghệ sĩ . Tôi là nghệ sĩ . Nghệ sĩ là tôi . Nhưng tôi là gì ? Tôi là ai ?

V.K.K.

(1) Năm 1953 tây lịch người Hà Nội hay tự tử bằng pháo xiết .

Vũ Khắc Khoan, sáng tạo trên bục gỗ Lê Thị Huệ

Bây giờ là mùa thu, mùa của trời đất giao tình cùng cây lá và lòng người. Gió nhẹ nhàng lướt qua mặt cỏ. Đất lâm râm bốc mùi ngái rạ. Trời ngả ngón thả những cụm mây loang. Và chao ơi, lá vàng rơi là tả ngập lối đi. Lá vàng phủ kín những con đường khô chết. Lá vàng ấp ủ những hàng cây trơ vơ ngửa mặt chờ ân tình. Mùa thu nơi đây đẹp lâng lâng nào lòng. Mùa thu lên men hồn chàng lãng tử. Mùa ngây ngây lòng người tư chức hồi hưu đang xới đất sau cánh vườn nhà. Mùa thu cũng khơi dậy bao vết sần đau trên chiếc lưng ty nạn của cô học trò nhỏ. Có một mùa thu cũ, nơi khuôn viên sân trường của Viện Đại Học Đà Lạt, cô học trò nhỏ quần bò áo bạc tóc đuôi tôm đến giảng đường. Mùa tựu trường ấy rộn ràng bao tiếng cười xô lệch bàn ghế. Mùa thu ấy làm rối bời bao cặp mắt ướt hoen xuân tình của sinh viên Đà Lạt. Mùa thu lá xanh ấy thơm tho những trang vở, những bạn hữu, những tình nhân, và những ảo ảnh. Mùa khai trường ấy còn có những gì. Ồ, một giảng đường Minh Thành.

Minh Thành! Minh Thành! Minh Thành!

Cái giảng đường văn khoa bé tí của Viện.

Những buổi trưa "*Trời không nắng cũng không mưa. Chỉ hiu hiu rét cho vừa nhớ nhung*". Vào cái khoảng tra trưa ló chiều, non canh giờ tiếng gà xao xác sau vườn rau lưng Viện, ngồi chống tay trong cái phòng học có khung cửa sổ là nguyên một vách tường bằng kính trong, nhìn bóng kịch tác gia Vũ Khắc Khoan lững thững từ ngoài cổng "đào nguyên" bước vào. Lúc ấy thời giờ đang buông thả trên nóc Nhà Thờ Con Gà. Lúc ấy chiều đang chạy lan man trên Đồi Cù. Nắng đang nhả nha gọi trưa trên Hồ Xuân Hương Đà Lạt. Ba giờ chiều ở Đà Lạt. Bọn sinh viên Văn Khoa bảo nhau: Chiều nay ba giờ hăng đến lớp nhé. Giờ Chủ Đề Văn Học của thầy Khoan mà. Ông là vậy đó. Không một không hai, mà là ba. Giờ của riêng ông. *Giờ Riêng Của Thầy*. Vậy mà Viện Đại Học nào trúng số độc đắc mới mời được ông. Vậy mà giờ của Vũ Khắc Khoan là sinh viên đến chật ních giảng đường, sinh viên khoa bạn kéo ghế ngồi tràn ra cửa nghe ké lời ông nói. Ba giờ chiều, cái giờ còn bù giấc ngủ trưa, giờ mà thiên hạ đầu đầy đã yên ổn với công việc cho nên lòng ta mới thanh thản. Giờ của nắng quai mưa phát làm giàn trên lối vào giảng đường Minh Thành.

Một chàng lãng tử ? Một Lão Tử tân thời ? Một người mẫu của Rodin ? Hay tất cả nhào nấn lại. Lững thững trên lối đi vào Minh Thành. Một bọn học trò, mấy nàng tiên nữ đang bút bông bút lá đầu đầy, vôi vàng dờn gót ngọc, lẻo đẹo theo thầy vào giảng đường.

Cánh cửa gỗ trắc Việt Nam hé mở. Đứng đỉnh xiêm áo. Áo sơ mi trắng tinh, khăn choàng cổ tím. Tóc bạc hun cao bồng bênh như chòm núi tuyết Hy Mã Lạp Sơn. Vết xám. Giày Sè Gòn láng bóng. Ông vớ màu nâu Paris. Kịch tác gia Vũ Khắc Khoan bước lên bục gỗ.

Đạo diễn mở màn

Trên chiếc bục gỗ ấy nhà hiền nho Trần Trọng San vỗ rì rào những giòng thơ Đường ngọt tuyệt vời. Thầy Phạm Văn Diêu cháu Phạm Văn Đồng sang sảng: Kiều, Người Lữ Hành Cô Độc. Nhà văn Nguyễn Sỹ Tế độ lượng dứt tay vào túi quần quay những câu hỏi về văn chương Việt Nam rất rõ rệt. Còn nhà sáng tạo Vũ Khắc Khoan với hai chữ "Vấn Đề" bay trên từng ngậm phù vân khói thuốc lá

Vấn Đề. Vấn Đề là ... Vấn Đề một ra *Thần Tháp Rùa*. Vấn Đề hai ra *Thằng Cuội Ngồi Góc Cây Đa*. Vấn Đề ba ra *Thành Cát Tư Hãn* * ...

Trên chiếc sân khấu gỗ ấy chiếc bàn có phủ khăn vải sô, những đóa hoa hồng Đà Lạt thắm mới mang ở khu chợ Hoà Bình về, một nhúm lá thông rất xanh trong chiếc lọ con đơn sơ. Nhân vật Vũ Khắc Khoan trang phục điệu nghệ. Phía dưới bọn học trò say sưa xem thầy giảng và diễn.

Hồ Thị Thủy đã hoạ xong bức tranh và chuyển tay "Ê, xem tao vẽ ông Khoan đẹp chưa"

Nhân vật bắt đầu bằng những động tác kịch tính nhất. Màn kéo là hai ngón tay đưa lên vuốt sóng mũi, là một cái nhíu cong xệch lông mày. Mươi mấy năm trên bục gỗ ấy chưa bao giờ Vũ Khắc Khoan mỉm cười hay bật cười, dù học trò có khôi hài, dù ông ghẹo cả lớp cười nghiêng ngả

Nhạc đệm là tiếng gõ lóc cóc của chiếc hộp quẹt diêm Tây. Ánh sáng là những lọn khói bay lững lờ trên đầu lớp học

Tiếng ngâm bắt đầu ngân vang: "*Cũng trong một tiếng tơ đồng. Người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm.*" *Vấn đề là cười nụ. Vấn đề là khóc thầm.* Thế nào là cười nụ. Thế nào là khóc thầm. Một hài. Một bi. Đạo diễn Khoan lại đổi màn. Một cụm khói thuốc bay lan man qua đầu lớp học. "*Dưới cầu nước chảy trong veo. Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.*" Cả thầy lẫn trò

lơ ngơ nhìn qua khung cửa kính vĩ đại của giảng đường Minh Thành II. Những cây như liễu ven Hồ Xuân Hương Đà Lạt như đang đuỗi xua nhau về đậu bên ngoài. Thầy và trò Văn Khoa như ngây ngây với cái nắng Đà Lạt hiu hắt ba giờ chiều. Trò tí toáy khắc dăm câu thơ lên giấy. Thầy gom về trong đáy mắt buổi chiều thu lê bước phong sương quanh Hồ Gươm mấy mươi năm về trước. Phải là giọng Bắc Hà Nội trước 1975 của một người đàn ông ngoài năm mươi đọc lên

mấy câu thơ của Nguyễn Du, thời lớp học mới cảm nhận được cái êm đềm của nắng thu và đáng liểu quán quýt vào nhau quanh hồ. Đạo diễn đổi màn. Tiếng gõ lóc cóc lóc cóc của chiếc hộp quẹt diêm Tây. "*Cái quay búng sẵn trên trời. Mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm.*" Tiếng láy tiếng nhẩn rất "kịch tính" ghém vào "quay", "búng", "trên trời", "mờ mờ", "nhân ảnh", "như người" Chiếc miệng nhắc môi, đôi cánh mũi đỏ au, cái chân mày nhíu lại, mái tóc bạc phát phơ trên vòm trán: Trên khuôn mặt ấy nét ngạo nghệ thách thức của kiếp người không ngừng

phô trương. Trong tiếng ngâm ấy nét tra vấn của kẻ sáng tạo không ngừng tuôn chảy

Những giờ học Chủ Đề Văn Chương cứ như vậy mà nối tiếp nhau. Trên bục gỗ người nghệ sĩ vung tay đưa đầy những nhịp phách của những bản hoà tấu *Đoạn Trường Tân Thanh, Cung Oán Ngâm Khúc, Chinh Phụ Ngâm* lên xuống khích lệ những đường giây trí não của khán giả.

Dưới bục gỗ những tên học trò khép nép hoà điệu vào bản hoà tấu chữ nghĩa đang trải ra trước mặt. "*Các anh chị nhớ rằng đây chỉ là một Cái Có*" Câu nói Vũ Khắc Khoan thường dùng nhất, khi khuyên học trò nên tra hỏi đời sống, nên đòi hỏi trong tác phẩm, nên lật ngược nhân vật, nên làm nền cho nghệ thuật

Thầy cũng chỉ là một Cái Có

Nhạc chiều vẫn chậm chậm buông lơ ngoài cửa kiếng Minh Thành II

Đã qua rồi những mùa thu cũ, những mùa tựu trường rộn ràng bãi cỏ, chiếc cầu, con dốc dẫn lên giảng đường Minh Thành. Nắng thu đã khô queo màu thổ huyết. Trời đất đã ngoảnh mặt

che lưng. Lòng người đã điên cuồng giã dựa dưới lớp áo màu Cộng Sản Chủ Nghĩa. Thôi đừng nói chi đến Sáng Tạo, đến những cõi Mộng, chỉ làm yếu lòng người nam sinh viên cũ đang Chiến Đấu ...

Ở đây đóa hoa hồng nằm khô chết cong queo trên miền lái vành xe. Hồn hoa lang thang.

Những mùa thu lốt lá vàng không bóng dáng thầy cô, bạn hữu, và tình nhân. Một mình một ngựa lăm lăm đến campus. Thân xác lướt đi trên những ngã university lanes mà hồn thì vật vờ không nơi nương tựa. Những cánh cổng Thiên Thai Khách rộng mở bát ngát. Những bước chân của một Kẻ Lạ Trên Thiên Đường hun hút và bơ vơ. Nổi bơ vơ của những Từ Thức biết rõ đâu là Mộng đâu là Thực, mà vẫn bị đẩy xô vào những cõi thiên đàng lạnh.

Lấp lóe đâu đây trên ngã đường lữ thứ lưu vong, có những ngọn bạch lạp hắt ra từ cái "Ga Xếp" Vạn Hồ. Những ngọn lửa hiu hắt của người thầy giáo cũ dù đã cuối đời vẫn cố vươn toả ánh đèn trí tuệ thăm thẳm của con đường sáng tạo.

Những ánh nến sẽ chẳng bao giờ phụ công đứng thấp. Vì cứ hàng năm khi mùa thu chửa quây ngoài thềm cửa, khi mùa khai giảng chuyển động trong sân trường. Cô học trò nhỏ lật giờ từng trang báo Đất Mới chưa ngả màu vàng ố, cố tìm trên ấy chút bóng dáng mùa thu năm xưa, vầng vát chiếc sân khấu bục gỗ Minh Thành II. Hồn tìm về cơ Mộng.

Cơ nhập đồng run run hiện lên những giọng chữ thân quen:

"Trời: (sốt ruột)

- Tìm về mày để làm cái thá gì ?

Cuội:

- Để xin một chút Mộng. Con là người làm Mộng.

Trời:

- Mộng. Mộng là cái gì ?

Cuội:

- Mộng là hoa của thực tại. **

(Trích từ một số báo Văn cũ, do nhà văn Mai Thảo xuất bản tại Hoa Kỳ khoảng giữa thập niên 1980 dưới tựa là *Giờ Riêng Của Thầy*. Bản mới đăng lại trên Gió O có cắt sửa đôi chút)

* Tên các tác phẩm của kịch tác gia Vũ Khắc Khoan

** Tuần báo Đất Mới, xuất bản tại Seattle, tháng Hai, năm 1982. Vũ Khắc Khoan, Lộng Ngôn

Nhớ thầy Vũ Khắc Khoan Đào Ngọc Phong

Năm 1953, tôi học đệ thất trường Chu Văn An Hà Nội, năm 1954 di cư vào Sài Gòn học ba năm đệ lục, đệ ngũ, đệ tứ trường Nguyễn Trãi. Sau kỳ thi Trung Học đệ nhất cấp tôi lại trở về trường Chu Văn An năm 1957 học ba năm cuối cùng đệ tam, đệ nhị, đệ nhất và rời trường năm 1960.

Lớp đệ tam B2 nằm ở lầu hai ngay cầu thang. Cứ mỗi lần keng báo hiệu giờ học thì cả thầy lẫn trò đều cùng từ dưới nhà leo cầu thang lên lầu. Một tuần hai ba lần tôi bước sau thầy Vũ Khắc Khoan, dáng người thấp nhưng vạm vỡ, khuôn mặt như tượng đồng, mái tóc hơi gợn sóng. Thầy không dạy lớp tôi, nhưng tôi đoán thầy chẳng bao giờ cười. Nhiều bạn tôi học thầy môn Sử Việt cho biết cả một năm thầy chỉ dạy về Hòa ước 1884 mà vẫn chưa hết. Cứ mỗi lần đi sau thầy trên cầu thang, tôi lại nghĩ "Đây là ông Thần Thập Rùa, đây là người đợi Giao Thừa." Hồi còn ở Hà Nội, bố tôi thường mua nguyệt san Phổ Thông trong đó tôi được đọc Kịch Giao Thừa, Thăng Cuội Ngồi Góc Cây Đa của thầy Vũ Khắc Khoan. Hồi đó mới học đệ thất, tất nhiên đọc mà chẳng hiểu gì nhưng ký ức về nhà viết kịch đã hằn sâu trong tâm khảm. Đến năm 1958-1959 lên đệ nhất trí óc trưởng thành đôi chút, đã tìm đọc Thần Thập Rùa (xuất bản 1957), Vụ

án Nhân Văn Giai Phẩm do Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hóa xuất bản 1959 dưới tựa đề “Trăm Hoa đua nở trên đất Bắc.”

Trong tập truyện Thần Tháp Rùa có truyện Trương Chi, trong “Trăm Hoa” có truyện “Con Ngựa Già của Chúa Trịnh” tác giả Phùng Cung. Quả thật hồi đó tôi chỉ lơ mờ thấy hình như hai truyện này có một điểm nào đó giống nhau mà không thể nào nêu ra được. Hai tác giả sống ở hai miền dưới hai chế độ tương khắc tương tranh, cả hai không quen biết nhau mà sao tư tưởng gặp nhau.

Từ đó về sau, cứ mỗi lần nhớ đến thầy Khoan là tôi liền tưởng ngay đến Phùng Cung nhưng tâm tư tôi vẫn chưa làm sáng tỏ được sự giống nhau về tư tưởng; cho đến khi sau 1975 thì mọi sự bừng sáng.

Tác giả Phùng Cung kể một câu chuyện từ thời chúa Trịnh. Một người buôn ngựa tên là lão Nông ở làng Phương Lộ dưới chân núi Tản Viên (núi Ba Vì thuộc trấn Sơn Tây xưa), hẻo lánh xa kinh kỳ. Lão Nông tậu được một con ngựa quý trắng mọi trận đua trong vùng. Vì lông nó trắng như bông nên lão đặt tên nó là Kim Bông. Thời đó Chúa Trịnh đang thành lập một đội kỵ binh hùng hậu, nghe tiếng đồn con Kim Bông là tuấn mã, bèn cho Mã quan trưng dụng về. Từ khi về phủ Chúa, con Kim Bông không còn phải ăn cỏ núi, uống nước suối mà được ăn thóc thượng hạng trộn mật ngọt bùi, nhai những bó lá trúc thơm sậm sứt. Nó được lính hầu tắm, chải lông mượt mà, được khoác những bộ dây cương sang trọng, và được... đóng hai miếng sắt to che hai bên mắt, khiến nó chỉ nhìn thấy một phía. Bây giờ nó không còn được chạy đua trên đấu trường nữa mà được gông cổ vào hai càng xe để kéo xe cho Chúa. Nó vẫn nghĩ tài năng nó còn hùng dũng như xưa, nhưng cứ thế kéo xe hầu Chúa lâu ngày khiến nó đã cùn nhụt mọi sức lực và tài nghệ, đến độ nó gục ngã sớm trong một cuộc đua.

Con Kim Bông tượng trưng cho những văn nghệ sĩ đầy sức sáng tạo khi được tự do sáng tác, nhưng khi trở thành những ông quan văn hóa nghệ thuật quyền cao chức trọng, bổng lộc thừa thãi, suy nghĩ và viết theo chỉ thị thì dần dần đã biến thành những hình nộm không còn tâm hồn.

Trong truyện Trương Chi, tác giả Vũ Khắc Khoan cũng kể một câu chuyện dân gian cổ xưa. Trương Chi được tác giả mô tả là một chàng trai tuấn tú, có thiên khiếu ca hát, lại được thụ giáo một vị thầy âm nhạc nên lời ca chàng sáng tạo sâu xa mà giọng ca lại phong phú quyến rũ mê hoặc lòng người. Một ngày trên đường phiêu lãng, chàng ghé qua một quán rượu ven sông. Chàng ngạc nhiên thấy chủ quán chỉ dọn rượu mà không đồ nhắm, thịt bò thịt gà thịt heo đã không có mà ngay cả cá cũng không. Chủ quán buồn rầu cho biết đó là lệnh của vị trưởng giả họ Trần trong vùng. Tổ tiên vị trưởng giả này có công lớn với triều đình nên con cháu được hưởng lộc thâu thuế trên khúc sông này. Con gái của ông tên My Nương mê ca hát, được một ả đào ngày đêm hát cho nghe. Chẳng may ả này vì ý thế trưởng giả mà nhảy xuống thuyền của một bạn chài đánh người, sảy chân chết đuối. My nương không có ai ca hát cho nghe nên sinh bệnh. Trưởng giả họ Trần nổi giận trừng phạt phường chài không được đánh cá, khiến cho dân chài cả vùng khốn đốn. Trương Chi nghe kể bất bình, trong lòng nổi lên tình cảm thương xót dân nghèo yếu thế, bèn cất tiếng hát hào sảng thống thiết khiến phường chài mừng rỡ, mang Trương Chi đến nhà trưởng giả thay thế ả đào hát cho My Nương nghe; và nhờ vậy Trần trưởng giả lại cho phép phường chài đánh cá như xưa. Trần trưởng giả bắt Trương Chi ngồi trong một phòng riêng che kín để giữ gia phong nghiêm ngặt

Chỉ sau hai ngày nghe chàng hát, My Nương đã say mê muốn được cùng chàng kết duyên phu phụ. Trưởng giả bàn với phường chài làm thế nào cho Trương Chi vẫn hát mà khiến cho tiểu thư ghê sợ. Thế là phường chài bèn bắt chàng che mặt, nói dối tiểu thư là chàng mắc bệnh phong hủi. Nhưng tại sao chàng nghệ sĩ tài hoa kia lại chịu mang tiếng nhục nhã như vậy? Chính vì chàng một lần qua kẻ vải che đã thấy mặt tiểu thư đẹp tuyệt trần sinh lòng si mê nên phải ép lòng làm tội mọi cho phường chài. Phường chài dùng chàng như một công cụ cho sinh kế của họ.

Nhưng dần dần lời ca, giọng hát của chàng càng ngày càng tệ. Ý tưởng, lời ca hình như càng lúc càng hạ thấp xuống cùng hàng thuyền chài với những đợt cá hàng ngày, những ngôn ngữ chợ búa. Rồi một đêm chàng thức giấc giữa khuya thấy mình mảy khác thường, đau đớn như sắp lột xác. Chàng lê cái thân đau ra bờ sông soi mặt trong dòng nước. Dưới ánh trăng vàng vạc chàng bỗng kinh hoàng thấy một khuôn mặt cục cằn, trán thấp, mũi tẹt, răng hô, đôi vai thô kệch của một bạn chài suốt đời chỉ thấy cá và cá. Trương Chi ôm mặt khóc nức nở. Chàng đã đánh mất cả tâm hồn lẫn thể xác cho một tình yêu vô vọng. Chàng lặng lẽ bỏ đi mất tăm mất tích.

Cũng như con ngựa già của chúa Trịnh, Trương Chi đã mang thân và tâm mình làm công cụ cho một phường chài mà kết cuộc thâm thảm là đã làm mất hết tài năng sáng tạo. Có sự khác biệt về số phận sau cùng của hai nghệ sĩ: Con ngựa già chết trong nhung lụa sung ái. Chàng Trương Chi may chưa chết thì đã phản tỉnh và bỏ đi. Ông trưởng giả tượng trưng cho giai cấp tư sản, phường chài tượng trưng cho giai cấp vô sản. Chàng nghệ sĩ họ Trương bị kẹt giữa hai bánh của cái cối xay đá. Nhà văn Vũ Khắc Khoan muốn ám chỉ thân phận “ngọt ngọt” của tầng lớp trí thức “chẳng là bên này cũng chẳng là bên kia.” Thế thì chàng bỏ đi đâu, cơ cấu xã hội nào dung chứa được chàng?

Năm 1986, nghe tin thầy Khoan mất ở tiểu bang Minnesota, tôi mừng cho thầy đã ra đi với thân tâm an lạc, thầy không còn phải vướng vào cái nghiệp con ngựa già và chàng Trương Chi. Năm nay 2013, 27 năm sau khi thầy qua đời, học trò nhớ đến thầy như một nhà tư tưởng của tầng lớp trí thức tinh tảo, vững vàng và sống suốt đời với lập trường của mình.

Cali., ngày 9 tháng 6 năm 2013

Thầy Khoan: Nhất tự vi sư Nguyễn Thị Minh Ngọc

Không như nhiều người có bài viết về thầy, thời gian tôi học thầy ở Khoa Điện Ảnh & Kịch Nghệ ở Đại Học Tri Hành rất ngắn. Đó cũng là những tháng cuối của Việt Nam Cộng Hòa nên trường lớp nhộn nhịp bất an chuyện đi, ở, hiện tại, tương lai.

Tôi được đọc Thành Cát Tư Hãn của thầy khi mới lên mười. vở kịch lúc đó được đăng từng kỳ trên một tuần san, hình như chuyên về Phim Ảnh. Còn nhớ tờ đó còn đưa hình chị Kiều Chinh với ghi chú bên dưới là ứng viên sáng giá cho vai Giang Minh. Thành Cát Tư Hãn ập vào đầu óc con bé như tôi như một định mệnh. Cảm nhận của tôi lúc bấy giờ là các nhân vật cùng nói, chẳng cần nghe. Mà cái đời sống cả trước và sau 1975, đều bàng bạc không khí đó. Thời chiến, người ta nói – mà không buồn nghe - như để dành lấy cái thời gian còn được sống. Thời bình, người ta vẫn tiếp tục nói - mà vẫn không buồn lắng nghe, như để ai đó tách ra, nhìn ngắm nhân gian sẽ thấy đó là một vở kịch phi lý khổng lồ đầy ngộ nhận, dưới bàn tay dàn dựng của người mang tên Thượng Đế, hay Trời, God... (Đôi khi, tôi nghĩ, sao không là Bà Trời, Goddess?).

Vài năm sau, tôi làm báo, viết kịch, in roneo, bị đuổi học với tội danh “vi phạm đạo đức học đường” chỉ vì vở kịch đặt vấn đề “đã chắc gì những người trên bục, cả cha mẹ ta là đúng”. Lúc đó, tôi chưa học thầy Khoan nhưng ít nhiều có được ảnh hưởng từ người viết kịch hiếm hoi của Việt Nam là thầy. Trong đó, tôi nhớ, có nhắc tới trạng thái sống, chết chỉ là sự hoán đổi từ ngữ, nhắc Bá Di, Thúc Tề, với lời chất vấn đưa đến cái chết của hai ông “Nhưng cây cỏ cũng là của nhà Chu”... Thầy chủ nhiệm khi xem còn hào hứng đòi dàn dựng. Thầy khác nghe nói còn hận

tôi mãi đến giờ này, đến độ sau này khi nhóm họp trường, tôi không dự để tránh cho thầy khó xử.

Sau này, lạc trôi sâu hơn vào thế giới của sân khấu trong ngoài nước, tôi càng thấy tiếc biết bao khi một nền kịch nghệ của một nước thiếu vắng những kịch phẩm như các vở kịch của thầy Khoan. Biết là sự cộng hưởng sẽ không thể nào tránh khỏi, nhiều người nhìn ra các kịch phẩm của thầy bằng bạc mùi vị kịch hiện sinh, phi lý của Albert Camus, Jean-Paul Sartre, Samuel Beckett... nhưng thầy Khoan cũng đã tặng chúng ta những nhân vật kịch thuần Việt mà Sơn Ca là một. Phải sống như người Việt trong những tình huống trên đe, dưới búa “bên kia không óc, bên này không tim”, mới hiểu tại sao ta có Sơn Ca. Sơn Ca bị móc mắt, máu chảy ròng ròng như lệ đỏ vẫn là loài chim có tiếng hót riêng, không bạo chúa nào bóp nghẹt được, kể cả khi cắt đi phương tiện để hót là cái cổ họng kia. Tôi yêu những nhân vật độc lập, không bị lệ thuộc bởi bất kỳ ý thức hệ nào như vậy. Tính hành động của Sơn Ca cao hơn những gào thét của gươm vung, đao chém. Trong những nhân vật kịch của thế giới, tôi cũng rất thích nét độc đáo của Lorenzaccio trong vở kịch cùng tên của Alfred de Musset. Để kích động quần chúng hạ được bạo chúa, Lorenzaccio đã tiếp cận, đẩy nhanh tội ác quân vương để rồi cùng chết thảm với hắn ta.

Có lần tôi tưởng mình được có cơ hội dàn dựng vở Thành Cát Tư Hãn. Tôi mơ mình tạo ra được một sân khấu đầy xương người lẫn xương súc vật, từ cái bếp lửa người vô danh đến ngai vàng kẻ thiên cổ lưng dân. Màu máu sẫm sẽ là trang phục kẻ nắm gươm kiếm trong tay. Sắc vàng đất cho kẻ vong gia thất thổ. Áo Sơn Ca màu khói, như vương tro than các xác chết nằm đầy các nẻo đường đất nước anh qua. Bài đồng dao gọi thuở nằm nôi họ có chung bọc trứng Âu Cơ. Khác với Caligula của Albert Camus, Thành Cát Tư Hãn của Vũ Khắc Khoan-thầy Khoan của chúng tôi, không mang quốc tịch Mông, Tàu, Mỹ, Pháp, Nhật, Nga. Đó là trần trở lớn của một Người Việt, truyền nỗi đau đời cho nhiều thế hệ Việt khác, trẻ hơn, và cả những người Việt chưa sanh.

(Sep 20 2017- Bismarck, North Dakota
viết trước giờ đi mổ mắt)